

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Huyền Trang

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ
TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TRÁCH
NHIỆM HỮU HẠN HÀO QUANG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Huyền Trang

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Thị Huyền Trang

Mã SV: 1012401092

Lớp: QT1401K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Hòa Quang

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ)
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
 - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Hào Quang.
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Hào Quang.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty TNHH Hào Quang trong 3 năm gần đây.
 - Số liệu về thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Hào Quang.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp: Công ty TNHH Hào Quang.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Đức Kiên**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Dân lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp cấp cử nhân.
- Định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
- Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Hào Quang.
- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 1 tháng 04 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Lê Thị Huyền Trang

ThS.Nguyễn Đức Kiên

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGUT` Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu.
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tế, mạnh dạn đề xuất các phương hướng và giải pháp để hoàn thiện đề tài nghiên cứu.
- Có thái độ nghiêm túc, khiêm tốn, ham học hỏi trong quá trình viết khóa luận.
- Tuân thủ đúng yêu cầu về tiến độ thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài do giáo viên hướng dẫn quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn sản xuất – kinh doanh, có giá trị về mặt lý luận và có tính khả thi trong việc kiện toàn công tác kế toán của đơn vị thực tập.
- Những số liệu minh họa trong khóa luận đã có tính logic trong dòng chảy của số liệu kế toán và có độ tin cậy.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Điểm bằng số:.....

Điểm bằng chữ:.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Đức Kiên

MUC LUC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	3
1.1 Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.....	3
1.2 Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm.....	4
1.2.1 Bản chất của giá thành	4
1.2.2 Chức năng của giá thành sản phẩm.....	4
1.3 Phân loại chi phí sản xuất.....	6
1.3.1 Phân loại chi phí sản xuất theo tính chất, nội dung kinh tế của chi phí (theo yếu tố chi phí).....	6
1.3.2 Phân loại chi phí theo khoản mục chi phí.....	7
1.3.3 Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với khối lượng hoạt động (theo cách ứng xử của chi phí).....	7
1.4 Phân loại giá thành	8
1.4.1 Phân loại giá thành theo thời điểm xác định giá thành.....	8
1.4.2 Phân loại giá thành theo nội dung kinh tế cấu thành giá thành.....	9
1.5 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kì tính giá thành.....	9
1.5.1 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.....	9
1.5.2 Đối tượng tính giá thành sản phẩm.....	10
1.5.3 Kì tính giá thành.....	10
1.6 Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất.....	11
1.6.1 Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất.....	11
1.6.2 Trình tự hạch toán chi phí sản xuất	11
1.7 Phương pháp tính giá thành sản phẩm	12
1.7.1 Phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn)	12
1.7.2 Phương pháp tổng cộng chi phí	13
1.7.3 Phương pháp hệ số.....	13
1.7.4 Phương pháp tỷ lệ	14
1.7.5 Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ	15
1.7.6 Phương pháp đơn đặt hàng.....	15
1.7.7 Phương pháp phân bước	16

1.7.7.1 Tính giá thành phân bước theo phương án không tính giá thành bán thành phẩm (kết chuyển chi phí song song).....	16
1.7.7.2 Tính giá thành phân bước theo phương án có tính giá thành bán thành phẩm (kết chuyển chi phí tuần tự).....	17
1.8 Đánh giá sản phẩm dở dang	17
1.8.1 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	18
1.8.2 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì theo sản lượng hoàn thành tương đương.....	18
1.8.3 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì theo chi phí định mức (chi phí kế hoạch).....	19
1.8.4 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì theo 50% chi phí chế biến.....	19
1.9 Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm.....	20
1.9.1 Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên	20
1.9.1.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (CPNVLTT)	20
1.9.1.2 Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp (CPNCTT).....	21
1.9.1.3 Hạch toán chi phí sản xuất chung (CPSXC).....	22
1.9.1.4 Tổng hợp chi phí sản xuất cuối kì	26
1.9.2 Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kì.....	27
1.10 Hạch toán thiệt hại trong sản xuất.....	29
1.10.1 Kế toán thiệt hại về sản phẩm hỏng	29
1.10.1.1 Đối với sản phẩm hỏng sửa chữa được	30
1.10.1.2 Đối với sản phẩm hỏng không sửa chữa được.....	30
1.10.2. Kế toán thiệt hại ngừng sản xuất	31
1.11 Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán	33
1.11.2 Hình thức kế toán Nhật kí – Sổ Cái	34
1.11.3 Hình thức kế toán Nhật kí- chứng từ.....	35
1.11.4 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	36
1.11.5 Hình thức kế toán trên máy tính.....	37

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH HÀO QUANG	38
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hào Quang	38
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Hào Quang	38
2.1.2 Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty TNHH Hào Quang	39
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Hào Quang	40
2.1.4 Đặc điểm tổ chức máy kế toán và chính sách áp dụng tại Công ty TNHH Hào Quang	41
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hào Quang.....	44
2.2.1 Cách phân loại chi phí sản xuất tại Công ty TNHH Hào Quang	44
2.2.2 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hào Quang.....	44
2.2.2.1 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.....	44
2.2.2.2 Đối tượng tính giá thành sản phẩm	44
2.2.3 Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm.....	45
2.2.4 Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hào Quang.....	45
2.2.4.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty TNHH Hào Quang	45
2.2.4.2 Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty TNHH Hào Quang .	59
2.2.4.3 Hạch toán chi phí sản xuất chung tại công ty TNHH Hào Quang	68
2.2.4.4 Hạch toán thiệt hại trong sản xuất tại Công ty TNHH Hào Quang	74
2.2.4.5 Đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm	74
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH HÀO QUANG	78
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty TNHH Hào Quang.	78
3.1.1. Ưu điểm	78
3.1.2. Một số hạn chế trong công tác kế toán tại công ty TNHH Hào Quang ...	79

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	81
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hà Quang	81
3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hà Quang	82
3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc thay đổi phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho tại Công ty TNHH Hà Quang	82
3.4.2. Kiến nghị 2: Về vấn đề tiền lương và các khoản phụ cấp.....	83
3.4.3. Kiến nghị 3: Về khoản chi phí thiệt hại trong sản xuất.....	83
3.4.4. Kiến nghị 4: Về việc áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính tại Công ty TNHH Hà Quang	85
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hà Quang	85
3.5.1. Về phía Nhà nước.....	85
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	86
KẾT LUẬN	87

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<u>Biểu 2.1:</u> Định mức vật tư.	47
<u>Biểu 2.2:</u> Lệnh sản xuất.	48
<u>Biểu 2.3:</u> Hóa đơn GTGT.	49
<u>Biểu 2.4:</u> Phiếu nhập kho nguyên vật liệu.	50
<u>Biểu 2.5:</u> Sổ chi tiết vật liệu.	51
<u>Biểu 2.6:</u> Phiếu yêu cầu vật tư.	52
<u>Biểu 2.7:</u> Phiếu xuất kho.	53
<u>Biểu 2.8:</u> Bảng kê xuất (vải 100% polyester).	54
<u>Biểu 2.9:</u> Bảng kê xuất (tấm Mex 44 inch).	54
<u>Biểu 2.10:</u> Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – CPNVLTT.	56
<u>Biểu 2.11:</u> Sổ nhật kí chung.	57
<u>Biểu 2.12:</u> Sổ cái TK 1541.	58
<u>Biểu 2.13:</u> Bảng chấm công.	61
<u>Biểu 2.14:</u> Bảng thanh toán lương.	62
<u>Biểu 2.15:</u> Bảng trích các khoản theo lương.	63
<u>Biểu 2.16:</u> Bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương.	64
<u>Biểu 2.17:</u> Bảng phân bổ tiền lương.	65
<u>Biểu 2.18:</u> Sổ nhật kí chung.	66
<u>Biểu 2.19:</u> Sổ cái TK 1542.	67
<u>Biểu 2.20:</u> Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.	69
<u>Biểu 2.21:</u> Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn.	70
<u>Biểu 2.22:</u> Hóa đơn tiền điện GTGT.	71
<u>Biểu 2.23:</u> Sổ nhật kí chung.	72
<u>Biểu 2.24:</u> Sổ cái TK 1543.	73
<u>Biểu 2.25:</u> Bảng phân bổ chi phí sản xuất.	75
<u>Biểu 2.26:</u> Thẻ tính giá thành.	75
<u>Biểu 2.27:</u> Bảng kê phiếu nhập kho.	76
<u>Biểu 2.28:</u> Sổ nhật kí chung.	77

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Quy trình tính giá thành theo phương án phân bước không tính giá bán thành phẩm.	16
Sơ đồ 1.2: Quy trình tính giá thành theo phương án có tính giá bán thành phẩm	17
Sơ đồ 1.3: Kế toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.	21
Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp.	22
Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất chung.	25
Sơ đồ 1.6: Trình tự kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên.	27
Sơ đồ 1.7: Trình tự kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kì.	29
Sơ đồ 1.8: Hạch toán sản phẩm hỏng sửa chữa được.	30
Sơ đồ 1.9: Hạch toán sản phẩm hỏng không sửa chữa được.	30
Sơ đồ 1.10: Hạch toán tổng hợp thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch.....	32
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật kí chung.	33
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật kí – Sổ cái.	34
Sơ đồ 1.13 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật kí – Chứng từ.	35
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.	36
Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế trên máy vi tính.	37
Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm tại Công ty TNHH Hào Quang.	40
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy quản lí của Công ty TNHH Hào Quang.	40
Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Hào Quang.	42
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hào Quang theo hình thức kế toán Nhật kí chung.	43
Sơ đồ 3.1: Hạch toán sản phẩm hỏng sửa chữa được.	84
Sơ đồ 3.2: Hạch toán sản phẩm hỏng không sửa chữa được.	84

DANH MỤC KÍ HIỆU VIẾT TẮT

TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
NVL	: Nguyên vật liệu
NVLTT	: Nguyên vật liệu trực tiếp
NCTT	: Nhân công trực tiếp
SXC	: Sản xuất chung
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
K/C	: Kết chuyển
QLKD	: Quản lí kinh doanh
CPSX	: Chi phí sản xuất
CPNVLTT	: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
CPNCTT	: Chi phí nhân công trực tiếp
CPSXC	: Chi phí sản xuất chung
TSCĐ	: Tài sản cố định
KH TSCĐ	: Khấu hao tài sản cố định
BHXH	: Bảo hiểm xã hội
BHYT	: Bảo hiểm y tế
BHTN	: Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	: Kinh phí công đoàn
DDĐK	: Dở dang đầu kì
DDCK	: Dở dang cuối kì
PXSX	: Phân xưởng sản xuất

LỜI CẢM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến :

Các thầy, cô giáo trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã cho em nền tảng kiến thức, tận tình chỉ bảo những kinh nghiệm thực tế quý báu, hữu ích để em làm hành trang bước vào đời, vào nghề.

Thầy giáo – ThS. Nguyễn Đức Kiên đã hết lòng hỗ trợ và giúp đỡ em từ khâu chọn đề tài, cách tiếp cận thực tiễn tại đơn vị thực tập cho đến khi hoàn thành bài khóa luận này.

Các cô, các bác, các anh chị trong công ty; đặc biệt là các cô, anh, chị trong phòng kế toán đã giúp em hiểu được tình hình thực tế công tác kế toán tại công ty. Điều đó đã giúp em vận dụng được những kiến thức lý thuyết đã học vào bối cảnh thực tế tại công ty. Quá trình thực tập đã đem lại cho em những kinh nghiệm và kỹ năng quý báu, cần thiết của một kế toán viên trong tương lai.

Cuối cùng, em xin chúc thầy cô giáo trường Đại học Dân Lập Hải Phòng và các cô, bác làm việc tại Công ty TNHH Hào Quang dồi dào sức khỏe, thành công, hạnh phúc trong cuộc sống.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày ... tháng ... năm ...

Sinh viên

Lê Thị Huyền Trang

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp có một môi trường sản xuất và kinh doanh thuận lợi: các doanh nghiệp được tự do phát triển và cạnh tranh bình đẳng. Gia nhập WTO, thị trường trong nước được mở cửa giúp các doanh nghiệp có nhiều cơ hội hợp tác quốc tế, song cũng vấp phải không ít khó khăn từ sự cạnh tranh khốc liệt của sân chơi này. Để vượt qua quá trình chọn lọc, đào thải khắt khe của thị trường, các doanh nghiệp phải giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến việc tổ chức nội bộ và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Để đạt được mục tiêu đó, các doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất, đồng thời tìm ra các biện pháp để giảm chi phí, tránh lãng phí. Một trong những công cụ hữu hiệu đó là kế toán, trong đó kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là khâu quan trọng và là trọng tâm của toàn bộ công tác kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất. Vì vậy, hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình hoàn thiện công tác kế toán của doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp nói chung và Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang nói riêng, trong thời gian thực tập tại công ty, em đã đi sâu tìm hiểu về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Chính vì vậy em đã lựa chọn đề tài “Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang” làm khóa luận tốt nghiệp với mong muốn củng cố, trau dồi về mặt kiến thức không chỉ về lý luận mà còn học hỏi những kinh nghiệm thực tiễn để hoàn thiện những kiến thức được học tại nhà trường và phục vụ cho công việc trong tương lai.

2. Mục tiêu của đề tài:

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hào Quang.

- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hào Quang.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:

- *Đối tượng nghiên cứu:* Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang.

- *Phạm vi nghiên cứu đề tài:* Phân tích số liệu năm 2013 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang.

4. Phương pháp nghiên cứu:

- Các phương pháp kế toán
- Phương pháp thống kê và so sánh
- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa thành tựu

5. Kết cấu của khóa luận:

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận tốt nghiệp gồm 3 chương.

- Chương 1: Lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

- Chương 2: Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hào Quang.

- Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hào Quang.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1 Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất

Hoạt động sản xuất của cải vật chất gắn liền với sự phát triển của xã hội loài người. Trong quá trình phát triển đó, hoạt động sản xuất đi từ phương thức sản xuất giản đơn đến phương thức sản xuất hiện đại. Ngày nay, trong mọi hoạt động sản xuất của doanh nghiệp đều phát sinh các hao phí như nguyên vật liệu, tài sản cố định, lao động,... biểu hiện bằng tiền toàn bộ hao phí phát sinh nói trên gọi là chi phí như: chi phí nguyên vật liệu, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nhân công,...

Trên góc độ kinh tế học, chi phí là khoản phí tổn phải bỏ ra để sản xuất ra các sản phẩm, hàng hóa.

Trên góc độ kế toán quản trị, chi phí sản xuất là các khoản phí tổn phải bỏ ra để mua các yếu tố đầu vào cần thiết cho việc tạo ra các sản phẩm mang lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp.

Trên góc độ kế toán tài chính, chi phí được nhìn nhận như những khoản phí tổn phát sinh gắn với hoạt động của doanh nghiệp để tạo ra sản phẩm, dịch vụ nhất định. Chi phí được xem như lượng tiền phải trả cho những hao phí về lao động sống cần thiết, lao động vật hóa... trên cơ sở các chứng từ, tài liệu, các bằng chứng chắc chắn.

Từ các quan điểm, ta có thể đưa ra kết luận tổng quan nhất về chi phí sản xuất như sau: chi phí là biểu hiện bằng tiền toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh một cách khách quan, thay đổi theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh và gắn liền với sự đa dạng, phức tạp của từng loại hình sản xuất kinh doanh.

Đối với nhà quản lý thì các chi phí là một trong những mối quan tâm hàng đầu, bởi vì lợi nhuận thu được nhiều hay ít, chịu ảnh hưởng trực tiếp của chi phí đã bỏ ra. Bởi vậy, chi phí được xem như một trong những chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Vấn đề đặt ra là làm sao kiểm soát tốt được các khoản chi phí này. Nhận diện, phân tích các chi phí phát sinh là điều mấu chốt để có thể ghi nhận, đo lường chính xác đầy đủ về chi phí cũng

như quản lí, kiểm soát tốt chi phí, từ đó có những quyết định đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2 Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm

1.2.1 Bản chất của giá thành

Có nhiều khái niệm về giá thành sản phẩm:

Nhà kinh tế Xô Viết A.Vaxin: “giá thành sản phẩm bao gồm toàn bộ giá trị tư liệu sản xuất chuyển vào sản phẩm và một phần giá trị mới sáng tạo ra”.

Các tác giả Cộng hòa Dân Chủ Đức: “giá thành là những hao phí bằng tiền về lao động sống (dưới hình thức tiền lương) và lao động vật hóa cũng như chi phí bằng tiền khác để chuẩn bị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, lao vụ của doanh nghiệp”.

Từ điển thuật ngữ tài chính – tín dụng của Bộ Tài Chính: “giá thành là toàn bộ hao phí lao động vật hóa (nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, khấu hao tài sản cố định và công cụ nhỏ) và lao động sống trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, quản lí kinh doanh, được tính bằng tiền cho một sản phẩm, một đơn vị công việc, hoặc một dịch vụ sau một thời kì, thường là đến cuối tháng”.

Từ những khái niệm trên, ta tổng kết được giá thành có những đặc trưng sau:

- Bản chất của giá thành là chi phí – chi phí, phí tổn về nguồn lực kinh tế có mục đích – được sắp xếp theo yêu cầu của các nhà quản lí doanh nghiệp.
- Giá thành thể hiện mối tương quan giữa chi phí với kết quả đạt được trong từng giai đoạn, từng hoạt động nhất định.
- Giá thành thể hiện phạm vi giới hạn chi phí trong một đơn vị, một khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành.

Về mặt ý nghĩa kinh tế, giá thành là một chỉ tiêu tổng hợp phản ánh chất lượng toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lí kinh tế tài chính tại doanh nghiệp.

1.2.2 Chức năng của giá thành sản phẩm

- Chức năng bù đắp chi phí: Giá thành sản phẩm biểu hiện những hao phí vật chất mà doanh nghiệp phải bỏ ra để hoàn thành một khối lượng sản phẩm, dịch vụ và cần được bù đắp đầy đủ, kịp thời bằng chính số tiền thu được về tiêu thụ sản phẩm để đảm bảo yêu cầu hoạt động tái sản xuất. Chỉ tiêu giá thành được xác định một cách chính xác sẽ đảm bảo được khả năng bù đắp theo kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chức năng lập giá: Giá cả là biểu hiện về mặt giá trị của sản phẩm, trong đó chứa đựng nội dung bù đắp hao phí vật chất dùng để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Do đó, việc lấy giá thành làm căn cứ lập giá là một yêu cầu khách quan, vốn có trong việc sản xuất hàng hóa và được biểu hiện đầy đủ trong nền kinh tế thị trường.

- Chức năng đòn bẩy kinh tế: Lợi nhuận của doanh nghiệp phụ thuộc trực tiếp vào giá thành sản phẩm. Hạ giá thành giúp cho tăng lợi nhuận, tạo nên tích lũy để tái sản xuất. Do đó, giá thành trở thành đòn bẩy kinh tế quan trọng thúc đẩy các doanh nghiệp tăng cường hiệu quả kinh doanh để phù hợp với các nguyên tắc hạch toán kinh doanh trong điều kiện cơ chế thị trường. Tính chất đòn bẩy kinh tế của giá thành đặt ra yêu cầu cho từng bộ phận sản xuất, sao cho sử dụng chi phí một cách tiết kiệm và hiệu quả nhất.

Như vậy, giá thành sản phẩm là chỉ tiêu tổng hợp có vai trò quan trọng trong công tác quản lý hoạt động doanh nghiệp. Do đó, giá thành cần được xác định một cách chính xác, trung thực nhằm giúp doanh nghiệp đưa ra các đánh giá và đề xuất biện pháp thích hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn phát triển cụ thể.

❖ Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Về mặt bản chất, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là biểu hiện hai mặt của quá trình sản xuất kinh doanh. Chúng giống nhau về chất vì cùng là biểu hiện bằng tiền những hao phí về lao động sống và lao động vật hóa nhưng lại khác nhau về mặt phạm vi và mặt lượng.

Về mặt phạm vi: chi phí sản xuất gắn với một thời kì nhất định, không phân biệt là cho loại sản phẩm nào, đã hoàn thành hay chưa, còn giá thành được xác định là lượng chi phí sản xuất nhất định tính cho một đại lượng kết quả hoàn thành nhất định.

Về mặt lượng: chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm khác nhau khi có sản phẩm dở dang. Sự khác biệt này được thể hiện qua công thức sau:

$$\begin{array}{cccc} \text{Giá thành sản phẩm hoàn thành} & = & \text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kì} & + & \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kì (đã trừ các khoản thu hồi ghi giảm chi phí)} & - & \text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kì} \end{array}$$

Khi giá trị sản phẩm dở dang (chi phí sản xuất dở dang) đầu kì và cuối kì của doanh nghiệp bằng nhau, hoặc trong các ngành nghề sản xuất không có sản phẩm dở dang thì giá thành sản phẩm chính là các chi phí sản xuất phát sinh trong kì.

Như vậy, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ qua lại mật thiết với nhau. Chi phí sản xuất là căn cứ để tính ra giá thành sản phẩm, còn giá thành sản phẩm chính là cơ sở để đánh giá việc thực hiện các kế hoạch sản xuất, dự toán mức chi phí của doanh nghiệp, từ đó lập các dự toán và định mức chi phí cho kì sản xuất sau.

1.3 Phân loại chi phí sản xuất

Phân loại chi phí là bước đầu tiên phải thực hiện trong công tác hạch toán để phục vụ cho việc tổ chức, theo dõi, tập hợp chi phí để tính giá thành sản phẩm, cũng như kiểm soát các chi phí sản xuất phát sinh. Chi phí sản xuất bao gồm nhiều loại; mỗi loại lại có nội dung, tính chất và công dụng khác nhau trong sản xuất. Xuất phát từ các mục đích khác nhau trong công tác quản lí, chi phí sản xuất được phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau.

Xét trên góc độ kế toán tài chính, chi phí sản xuất được phân loại theo các tiêu thức chủ yếu sau:

1.3.1 Phân loại chi phí sản xuất theo tính chất, nội dung kinh tế của chi phí (theo yếu tố chi phí)

Cách phân loại này căn cứ vào đặc điểm các chi phí có cùng tính chất kinh tế (nội dung kinh tế) để phân loại, không phân biệt là chi phí đó phát sinh ở đâu, cho hoạt động sản xuất kinh doanh nào. Cách phân loại này cho biết tổng chi phí phát sinh ban đầu để làm căn cứ lập kế hoạch và kiểm soát các khoản chi phí theo yếu tố...

Theo cách phân loại này, toàn bộ chi phí được chia thành các yếu tố chi phí sau:

- Chi phí nguyên vật liệu: là toàn bộ giá trị nguyên vật liệu được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kì.
- Chi phí nhân công: là tiền lương chính, lương phụ, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) và các khoản phải trả khác cho người lao động trong kì.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: là phần giá trị hao mòn của TSCĐ chuyển dịch vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chi phí khác bằng tiền: là những khoản chi phí sản xuất kinh doanh bằng tiền khác chưa được phản ánh ở các yếu tố trên.

Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố chi phí giúp ta biết được những chi phí nào đã được dùng vào sản xuất và tỷ trọng của từng khoản chi phí đó là bao nhiêu, là cơ sở để phân tích và đánh giá tình hình thực hiện chi phí sản xuất; làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch cung ứng vật tư, tiền vốn, huy động sử dụng lao động, xây dựng kế hoạch khấu hao TSCĐ.

1.3.2 Phân loại chi phí theo khoản mục chi phí

Cách phân loại chi phí này căn cứ vào công dụng, chức năng của chi phí đối với quá trình sản xuất để phân loại. Phân loại theo cách này giúp cho kế toán, cũng như nhà quản lý nhận thức rõ được vai trò, vị trí của chi phí đối với từng hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau của doanh nghiệp.

Theo quy định hiện hành, khoản mục chi phí thể hiện trong giá thành sản phẩm gồm 3 khoản mục sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: là toàn bộ chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, vật liệu khác... tham gia trực tiếp vào việc sản xuất, chế tạo sản phẩm hay thực hiện dịch vụ.
- Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm các khoản tiền lương, phụ cấp và các khoản trích cho các quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo tỷ lệ với tiền lương phát sinh của công nhân trực tiếp tham gia sản xuất.
- Chi phí sản xuất chung: là những khoản chi phí phát sinh trong phân xưởng sản xuất (ngoại trừ chi phí vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp) như: chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác... dùng cho phân xưởng.

Cách phân loại này giúp doanh nghiệp dễ dàng tập hợp chi phí để tính giá thành sản phẩm, có căn cứ để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất và hạ giá thành sản phẩm, từ đó lập dự toán chi phí cho kỳ sản xuất sau.

1.3.3 Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với khối lượng hoạt động (theo cách ứng xử của chi phí)

Cách phân loại căn cứ vào sự thay đổi của chi phí khi có sự thay đổi của mức độ hoạt động kinh doanh để phân loại. Chi phí được chia thành 3 loại là biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp.

- Biến phí (Chi phí khả biến): Là những chi phí có sự thay đổi tỷ lệ thuận với khối lượng hoạt động của sản xuất kinh doanh như số lượng sản phẩm sản xuất, chi phí vật liệu trực tiếp,... Tổng biến phí thay đổi khi sản lượng thay đổi nhưng biến phí đơn vị không thay đổi khi sản lượng thay đổi.

Biến phí luôn gắn liền trực tiếp theo từng hoạt động nên thường được ghi nhận trực tiếp cho từng đối tượng, rất dễ nhận định được tính hữu ích, hiệu quả của nó khi phát sinh.

- Định phí (Chi phí bất biến): Là những chi phí mà tổng số của nó không thay đổi hoặc rất ít thay đổi khi mức độ hoạt động thay đổi trong một phạm vi phù hợp. Tổng định phí không đổi khi sản lượng thay đổi trong phạm vi phù hợp và định phí trong một sản phẩm thay đổi khi sản lượng thay đổi.

- Chi phí hỗn hợp: Là chi phí mà thành phần của nó bao gồm cả yếu tố bất biến và yếu tố khả biến. Ở mức độ hoạt động căn bản, chi phí hỗn hợp thường thể hiện đặc điểm của định phí, ở mức độ hoạt động vượt mức căn bản thì nó thể hiện đặc điểm của biến phí.

Phân loại chi phí sản xuất theo cách ứng xử của chi phí có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản trị doanh nghiệp. Nó là cơ sở xây dựng các mô hình chi phí trong mối quan hệ chi phí – khối lượng hoạt động, để phân tích điểm hoà vốn và phục vụ cho việc ra các quyết định ngắn hạn, dài hạn trong sự phát triển của doanh nghiệp.

1.4 Phân loại giá thành

1.4.1 Phân loại giá thành theo thời điểm xác định giá thành

Theo tiêu thức phân loại này, giá thành được chia thành 3 loại: giá thành kế hoạch, giá thành định mức và giá thành thực tế.

- Giá thành kế hoạch: là giá thành được tính trước khi bắt đầu sản xuất kinh doanh cho tổng sản phẩm kế hoạch dựa trên chi phí định mức của kì kế hoạch. Giá thành kế hoạch là mục tiêu doanh nghiệp đưa ra, là căn cứ để so sánh, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp.

- Giá thành định mức: là giá thành được tính trước khi bắt đầu sản xuất kinh doanh cho một đơn vị sản phẩm dựa trên chi phí định mức của kì kế hoạch. Giữa giá thành kế hoạch và giá thành định mức có mối quan hệ như sau:

$$\text{Giá thành kế hoạch} = \text{Giá thành định mức} * \text{Tổng sản phẩm theo kế hoạch}$$

⇒ Giá thành định mức theo sản lượng thực tế là chỉ tiêu quan trọng để doanh nghiệp làm căn cứ phân tích, kiểm soát chi phí và ra quyết định.

- Giá thành thực tế: là giá thành được xác định sau khi đã hoàn thành việc sản xuất sản phẩm, trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh và kết quả sản xuất kinh doanh đạt được.

1.4.2 Phân loại giá thành theo nội dung kinh tế cấu thành giá thành

Giá thành sản phẩm được chia thành 2 loại là: giá thành sản xuất và giá thành toàn bộ.

- Giá thành sản xuất: là toàn bộ chi phí sản xuất có liên quan đến khối lượng công việc, sản phẩm hoàn thành; bao gồm 3 khoản mục chi phí là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

- Giá thành toàn bộ: là toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến một khối lượng sản phẩm hoàn thành, từ khi bắt đầu sản xuất đến khi tiêu thụ sản phẩm. Giá thành toàn bộ được tính như sau:

$$\text{Giá thành toàn bộ} = \text{Giá thành sản xuất} + \text{Chi phí ngoài sản xuất (CPBH, CPQLDN)}$$

1.5 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kì tính giá thành

1.5.1 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất phát sinh gắn với nơi diễn ra hoạt động sản xuất và sản phẩm được sản xuất. Vì vậy, kế toán cần xác định chính xác đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, để từ đó tập hợp chi phí sản xuất, cung cấp số liệu cho việc tính giá thành sản phẩm.

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn nhất định để tập hợp chi phí sản xuất (phân xưởng, bộ phận, quy trình...) và thời kì phát sinh chi phí (kì này hay kì trước) để ghi nhận vào đối tượng chịu chi phí (sản phẩm A, sản phẩm B). Để xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất cần căn cứ vào những yếu tố sau:

- Địa điểm sản xuất.
- Quy trình công nghệ kỹ thuật sản xuất sản phẩm.
- Loại hình sản xuất, đặc điểm tổ chức, yêu cầu trình độ quản lí doanh nghiệp.

Dựa trên những đặc điểm trên, đối tượng để hạch toán chi phí sản xuất có thể là:

- Từng giai đoạn sản xuất hay toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất.
- Từng chi tiết, từng bộ phận của sản phẩm, từng nhóm sản phẩm.
- Từng tổ sản xuất, phân xưởng sản xuất.
- Từng đơn đặt hàng.

⇒ Trong công tác kế toán, xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là cơ sở để xây dựng hệ thống chứng từ ban đầu liên quan đến chi phí sản xuất, xây dựng hệ thống sổ kế toán, tổng hợp số liệu, phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm.

1.5.2 Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Đối tượng tính giá thành sản phẩm là khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành nhất định mà doanh nghiệp cần tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Việc xác định đối tượng tính giá thành phải dựa trên đặc điểm tổ chức sản xuất của doanh nghiệp, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, yêu cầu quản lý cũng như tính chất từng loại sản phẩm cụ thể. Xác định đối tượng tính giá thành đúng giúp cho kế toán hạch toán, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm một cách hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

1.5.3 Kỳ tính giá thành

Kỳ tính giá thành là khoảng thời gian cần thiết để bộ phận kế toán của doanh nghiệp tiến hành các công việc tập hợp, tổng hợp chi phí và tính giá thành tổng hợp, giá thành đơn vị cho đối tượng cần tính giá thành. Kỳ tính giá thành có thể tính theo tháng, quý, năm hoặc theo đơn đặt hàng.

Nguyên tắc của kỳ tính giá thành là phải phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất và chu kỳ sản xuất sản phẩm, cũng như trình độ quản lý của doanh nghiệp. Do vậy, xác định kỳ tính giá thành phải căn cứ vào đặc điểm của từng doanh nghiệp để xác định cho phù hợp.

Thông thường, doanh nghiệp sản xuất với khối lượng sản phẩm lớn, chu kỳ sản xuất ngắn và liên tục, thì kỳ tính giá thành thích hợp nhất là theo tháng. Nếu chu kỳ sản xuất dài thì kỳ tính là thời điểm mà sản phẩm đó được hoàn thành.

Xác định kỳ tính giá thành giúp cho kế toán xác định rõ khoảng thời gian chi phí phát sinh, thời gian tổng hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, để từ đó thu thập, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính; phục vụ cho việc hoạch định, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý trong từng thời kỳ.

❖ *Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành*

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành đều có bản chất giống nhau, đều phục vụ cho công tác quản lý, phân tích, kiểm tra chi phí và tính giá thành sản phẩm. Việc xác định hợp lý đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là điều kiện tiên quyết để tính giá thành theo các đối tượng tính giá thành trong doanh nghiệp.

Một đối tượng tập hợp chi phí tương ứng với một đối tượng tính giá thành sản phẩm trong quy trình công nghệ sản xuất giản đơn.

Một đối tượng tập hợp chi phí tương ứng với nhiều đối tượng tính giá thành sản phẩm trong quy trình công nghệ sản xuất có nhiều loại sản phẩm khác nhau.

Nhiều đối tượng tập hợp chi phí tương ứng với một đối tượng tính giá thành sản phẩm trong quy trình công nghệ sản xuất phức tạp, gồm nhiều công đoạn khác nhau.

Nghiên cứu mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất với đối tượng tính giá thành giúp kế toán thiết lập quy trình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; xác lập được mối tương quan giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất với đối tượng tính giá thành nhằm tạo điều kiện tổng hợp, phân tích, phân bổ chính xác chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm.

1.6 Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất

1.6.1 Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất

Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí. Thông thường, chi phí sản xuất được tập hợp vào các đối tượng tập hợp chi phí theo một trong hai cách sau: phương pháp trực tiếp và phương pháp gián tiếp.

- Phương pháp trực tiếp: thường được áp dụng cho các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc sản xuất sản phẩm như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp. Trong trường hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp liên quan đến nhiều loại sản phẩm, nhiều đối tượng chịu chi phí thì phải áp dụng phương pháp hạch toán gián tiếp.

- Phương pháp gián tiếp: thường được áp dụng cho chi phí sản xuất chung, do có liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí khác nhau, do vậy cần tập hợp lại rồi tiến hành phân bổ sau.

1.6.2 Trình tự hạch toán chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm nhiều loại với tính chất và nội dung khác nhau, phương pháp hạch toán và tính nhập chi phí vào giá thành sản phẩm cũng khác nhau. Khi phát sinh, trước hết chi phí sản xuất được biểu hiện theo yếu tố chi phí rồi mới được biểu hiện thành các khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh.

Việc tập hợp chi phí sản xuất phải được tiến hành theo một trình tự hợp lí, khoa học thì mới có thể tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, kịp thời được. Trình tự này phụ thuộc vào đặc điểm sản xuất của từng ngành nghề, từng doanh nghiệp; vào mối quan hệ giữa các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp; vào trình độ công tác quản lí và hạch toán...

Tuy nhiên, có thể khái quát chung việc tập hợp chi phí sản xuất qua các bước sau:

- + Bước 1: Tập hợp các chi phí cơ bản có liên quan trực tiếp cho từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất đã lựa chọn trước đó.
- + Bước 2: Tính toán và phân bổ lao vụ của các ngành sản xuất kinh doanh phù trợ cho từng đối tượng sử dụng, trên cơ sở khối lượng lao vụ phục vụ và giá thành đơn vị lao vụ.
- + Bước 3: Tập hợp và phân bổ các khoản chi phí sản xuất chung cho các loại sản phẩm có liên quan.
- + Bước 4: Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kì, tính ra tổng giá thành, giá thành đơn vị sản phẩm.

Tùy theo phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng trong doanh nghiệp mà nội dung và cách hạch toán chi phí sản xuất có điểm khác nhau.

1.7 Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Phương pháp tính giá thành là một phương pháp hoặc hệ thống phương pháp được sử dụng để tính giá thành của đơn vị sản phẩm. Căn cứ vào đặc điểm sản xuất, đặc điểm sản phẩm, mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành, yêu cầu quản lí về giá thành, kế toán có thể lựa chọn phương pháp tính giá thành thích hợp. Dưới đây là những phương pháp tính giá thành truyền thống được sử dụng để tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế.

1.7.1 Phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn)

Phương pháp này được áp dụng chủ yếu trong các doanh nghiệp sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít nhưng sản xuất với khối lượng lớn và chu kì sản xuất ngắn như các nhà máy điện, nước, các doanh nghiệp khai thác (quặng, than, đá, gỗ...). Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp này là từng loại sản phẩm, dịch vụ. Giá thành đơn vị sản phẩm theo phương pháp này xác định bằng cách lấy tổng giá thành chia cho tổng số lượng sản phẩm hoàn thành. Trong đó, tổng giá thành được tính như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \\ \text{thành sản} & = & \text{xuất dở dang} & + & \text{phát sinh trong} & - & \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{phẩm} & & \text{đầu kì} & & \text{kì} & & \text{dở dang cuối kì} \end{array}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế sản phẩm}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

1.7.2 Phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp này áp dụng với các doanh nghiệp mà quá trình sản xuất sản phẩm trải qua ở nhiều bộ phận sản xuất, nhiều giai đoạn công nghệ. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là các bộ phận sản xuất, chi tiết sản phẩm hoặc giai đoạn công nghệ và đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành.

Giá thành sản phẩm được xác định bằng cách tổng cộng chi phí sản xuất của các bộ phận, các chi tiết sản phẩm hay tổng chi phí sản xuất của các giai đoạn, bộ phận sản xuất tạo nên thành phẩm.

$$\text{Giá thành sản phẩm} = Z_1 + Z_2 + Z_3 + \dots + Z_n$$

Trong đó: Z_n là tổng chi phí của bộ phận sản xuất (giai đoạn sản xuất) n.

Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp khai thác, chế tạo cơ khí, dệt, nhuộm, may mặc,...

1.7.3 Phương pháp hệ số

Phương pháp hệ số thường được áp dụng trong những doanh nghiệp mà trong cùng một quy trình công nghệ sản xuất cùng sử dụng một lượng nguyên liệu và lao động nhưng kết quả tạo ra đồng thời nhiều loại sản phẩm khác nhau về chất lượng, phẩm cấp và những sản phẩm này có kết cấu giá thành có thể quy đổi được với nhau theo hệ số.

Để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành, đối tượng tập hợp chi phí là từng nhóm sản phẩm của quy trình công nghệ sản xuất, đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm trong nhóm. Ví dụ tính giá thành sản phẩm của quy trình chế biến dầu mỏ, sản xuất sắt thép, sản xuất thực phẩm,... trình tự tính giá thành theo phương pháp hệ số như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành thực} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{tế nhóm sản phẩm} & = & \text{xuất dở dang} & + & \text{phát sinh trong} & - & \text{dở dang cuối kì} \\ & & \text{đầu kì} & & \text{kì} & & \end{array}$$

$$\begin{aligned} \text{Tổng sản phẩm chuẩn (Q}_0\text{)} &= \sum \left[\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kì (Q}_i\text{)} \times \text{Hệ số quy đổi sản phẩm (H}_i\text{)} \right] \\ \text{Hệ số quy đổi sản phẩm (H}_i\text{)} &= \frac{\text{Giá thành định mức sản phẩm (i)}}{\text{Giá thành định mức sản phẩm chuẩn}} \\ \text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm chuẩn} &= \frac{\text{Tổng giá thành thực tế nhóm sản phẩm}}{\text{Tổng sản phẩm chuẩn (Q}_0\text{)}} \\ \text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm i} &= \text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm chuẩn (Z}_0\text{)} \times \text{Hệ số quy đổi sản phẩm i (H}_i\text{)} \end{aligned}$$

1.7.4 Phương pháp tỷ lệ

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp trên cùng một quy trình công nghệ sản xuất sử dụng cùng một nguồn lực kinh tế đầu vào như vật tư, lao động, máy móc thiết bị, kết quả tạo ra một nhóm sản phẩm bao gồm nhiều loại sản phẩm có quy cách, phẩm chất khác nhau và những loại sản phẩm này có kết cấu giá thành không thể quy đổi được với nhau.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng nhóm sản phẩm của quy trình công nghệ sản xuất, đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm trong nhóm. Ví dụ, tính giá thành sản phẩm giày dép, quần áo, sản xuất linh kiện điện tử, đồ gỗ,... Phương pháp tỷ lệ được thực hiện như sau:

$$\begin{aligned} \text{Tổng giá thành thực tế của nhóm sản phẩm} &= \text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kì của nhóm sản phẩm} + \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kì của nhóm sản phẩm} - \text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kì của nhóm sản phẩm} \\ \text{Tổng giá thành kế hoạch của nhóm sản phẩm} &= \sum \left[\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành của sản phẩm i} \times \text{Giá thành định mức của sản phẩm i} \right] \\ \text{Tỷ lệ tính giá thành} &= \frac{\text{Tổng giá thành thực tế}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch}} \\ \text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm} &= \text{Tỷ lệ tính giá thành} \times \text{Giá thành định mức sản phẩm} \end{aligned}$$

1.7.5 Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ

Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ được áp dụng tính giá thành sản phẩm của những quy trình công nghệ sản xuất vừa tạo ra sản phẩm chính, vừa tạo ra sản phẩm phụ (sản phẩm song song). Phương pháp này cũng tương tự như các phương pháp giản đơn, phương pháp hệ số, phương pháp tỷ lệ; tuy nhiên, để tính tổng giá thành của một loại sản phẩm hay một nhóm sản phẩm chính phải thực hiện loại trừ đi giá trị của sản phẩm phụ. Giá trị sản phẩm phụ được tính theo giá ước tính, giá kế hoạch, giá nguyên vật liệu ban đầu. Tổng giá thành sản phẩm chính theo phương pháp này được tính như sau:

$$\begin{array}{r} \text{Tổng giá thành} \\ \text{thực tế sản} \\ \text{phẩm chính} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở} \\ \text{đang đầu kì} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất phát} \\ \text{sinh trong kì} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở dang} \\ \text{cuối kì} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá trị ước} \\ \text{tính sản} \\ \text{phẩm phụ} \end{array}$$

Sau khi tính tổng giá thành thực tế sản phẩm chính, tùy thuộc vào đặc điểm, quy trình sản xuất sản phẩm chính mà áp dụng phương pháp tính giá thành giản đơn, hệ số hay tỷ lệ để xác định giá thành đơn vị từng sản phẩm chính.

1.7.6 Phương pháp đơn đặt hàng

Phương pháp đơn đặt hàng được áp dụng tính giá thành sản phẩm của các hoạt động sản xuất theo đơn đặt hàng hoặc thực hiện gia công, sản xuất theo yêu cầu của khách hàng như hoạt động xây lắp, gia công, chế biến, dịch vụ... Theo phương pháp này, đối tượng tập hợp chi phí là từng đơn đặt hàng, đối tượng tính giá thành là thành phẩm của đơn đặt hàng. Trong kì, chi phí sản xuất được tập hợp theo từng đơn đặt hàng.

Cuối kì, khi hoàn thành công việc bàn giao cho khách hàng, kế toán tiến hành tính giá thành dựa trên toàn bộ chi phí đã tập hợp theo từng đơn đặt hàng. Nếu cuối kì đơn đặt hàng chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí sản xuất tập hợp được cho đơn đặt hàng đó coi là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kì chuyển kì sau.

Cách tính giá thành theo đơn đặt hàng được khái quát như sau:

$$\begin{array}{r} \text{Tổng giá thành thực tế} \\ \text{đơn đặt hàng} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Tổng chi phí sản xuất thực tế tập hợp theo đơn đặt} \\ \text{hàng} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Giá thành đơn vị sản} \\ \text{phẩm} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế đơn đặt hàng}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành theo đơn đặt hàng}}$$

1.7.7 Phương pháp phân bước

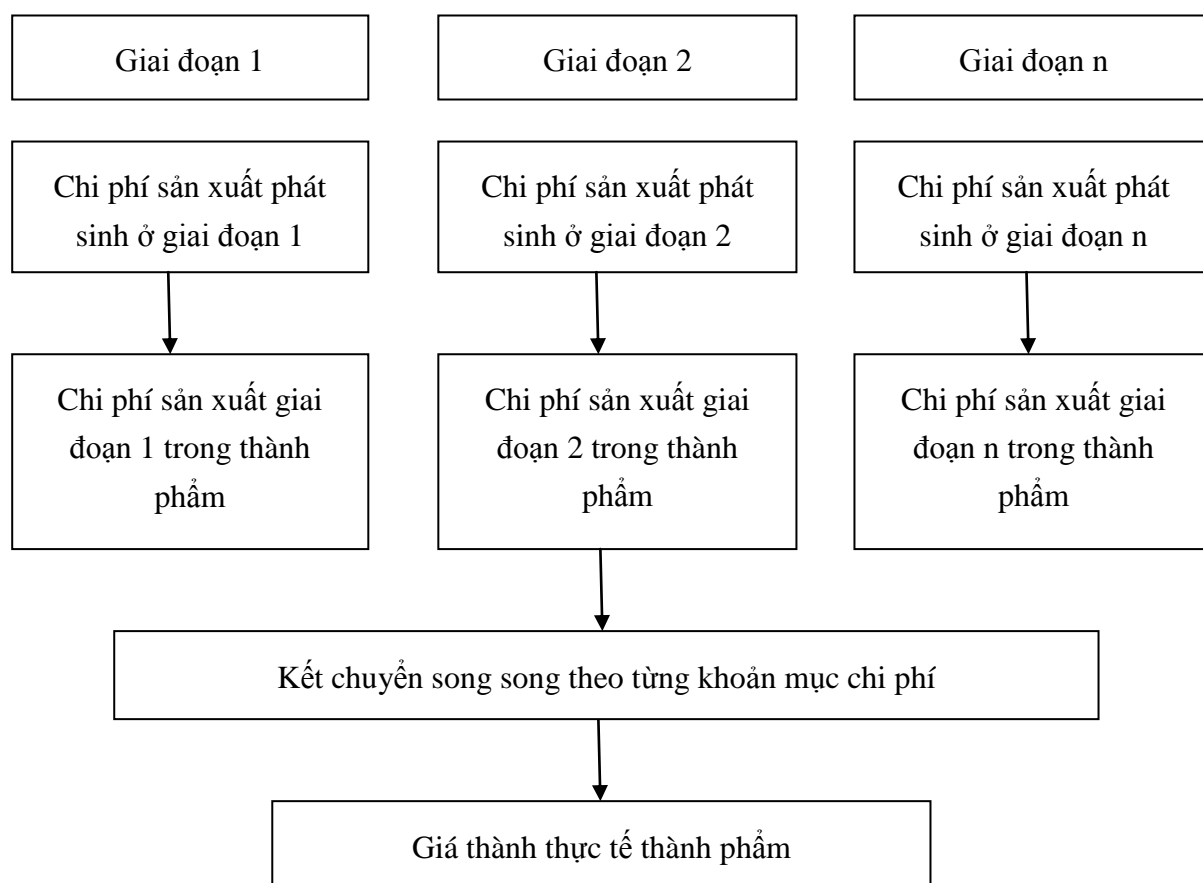
Phương pháp phân bước được áp dụng tính giá thành sản phẩm của những quy trình công nghệ sản xuất phức tạp gồm nhiều giai đoạn chế biến kế tiếp nhau. Sản phẩm của giai đoạn trước (hay còn gọi là bán thành phẩm) là nguyên liệu đầu vào của giai đoạn sau như tính giá thành của quy trình dệt may, quy trình chế tạo các công cụ.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng giai đoạn của quy trình công nghệ sản xuất. Đối tượng tính giá thành là thành phẩm hoặc cả bán thành phẩm và thành phẩm tùy thuộc vào phương án tính giá thành được chọn.

1.7.7.1 Tính giá thành phân bước theo phương án không tính giá thành bán thành phẩm (kết chuyển chi phí song song)

Theo phương án này đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là từng bước chế biến (giai đoạn chế biến), đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành ở bước cuối cùng (thành phẩm). Do đó các chi phí sản xuất phát sinh trong từng bước được tính vào giá thành thành phẩm một cách song song nên gọi là phương án kết chuyển song song. Quy trình tính được khái quát qua sơ đồ sau:

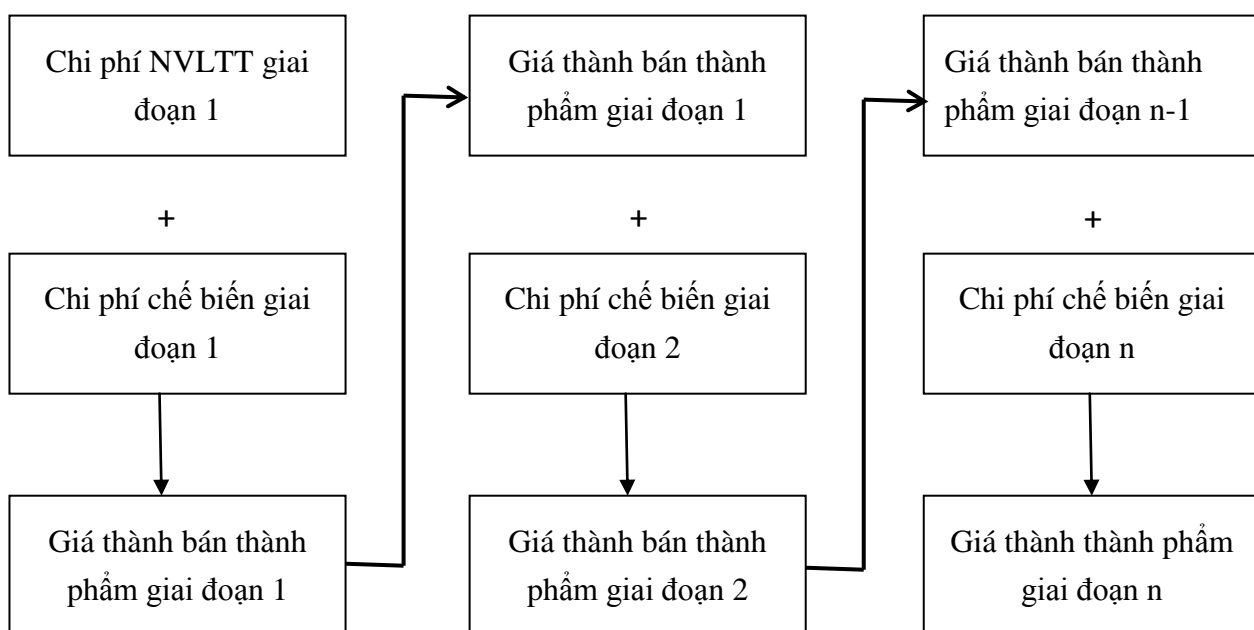
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ quy trình tính giá thành theo phương án phân bước không tính giá bán thành phẩm.



1.7.7.2 Tính giá thành phân bước theo phương án có tính giá thành bán thành phẩm (kết chuyển chi phí tuần tự)

Theo phương án này, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là từng bước của giai đoạn chế biến (giai đoạn công nghệ). Đối tượng tính giá thành là bán thành phẩm của các bước chế biến và thành phẩm. Do vậy, giá thành bán thành phẩm của bước này được chuyển sang bước sau tính theo giá thành thực tế và được phản ánh theo từng khoản mục chi phí gọi là kết chuyển tuần tự. Quy trình tính được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ quy trình tính giá thành theo phương án có tính giá bán thành phẩm.



1.8 Đánh giá sản phẩm dở dang

Trong sản xuất, sản phẩm dở dang là những sản phẩm chưa hoàn thành về mặt kỹ thuật sản xuất và thủ tục quản lý ở các giai đoạn của quy trình sản xuất. Sản phẩm dở dang có thể là những sản phẩm đang trong quy trình chế biến hoặc là những sản phẩm chưa hoàn tất thủ tục kiểm tra chất lượng, quản lý thành phẩm.

Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì là xác định chi phí sản xuất của sản phẩm dở dang cuối kì. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì có thể tiến hành trước khi tính giá thành hoặc song song với việc tính giá thành. Tùy thuộc vào đặc điểm, mức độ chi phí sản xuất trong sản phẩm dở dang và yêu cầu quản lý về chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang có thể tiến hành bằng một trong những phương pháp sau:

1.8.1 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Theo phương pháp này, kế toán chỉ tính vào chi phí sản xuất dở dang cuối kì chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, các chi phí còn lại như chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được tính toàn bộ vào chi phí sản xuất của sản phẩm hoàn thành.

Công thức tính:

$$D_{ck} = \frac{D_{dk} + C_{tk}}{Q_{ht} + Q_{dd}} \times Q_{dd}$$

Trong đó:

- D_{ck} , D_{dk} là chi phí sản xuất sản phẩm dở dang cuối kì, đầu kì.
- C_{tk} là chi phí nguyên vật liệu chính hoặc chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp trong kì.
- Q_{ht} , Q_{dd} là số lượng sản phẩm hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang cuối kì.

Phương pháp này đơn giản, khối lượng tính toán ít nên đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả của công tác kế toán. Tuy nhiên, do chỉ tính chi phí nguyên vật liệu cho sản phẩm dở dang mà không tính các chi phí sản xuất khác nên độ chính xác không cao. Vì vậy, phương pháp này thường được áp dụng ở những quy trình sản xuất có chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất và số lượng sản phẩm dở dang biến động qua các kì.

1.8.2 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì theo sản lượng hoàn thành tương đương

Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì theo phương pháp này thì tính tất cả chi phí sản xuất cho sản phẩm dở dang cuối kì theo mức độ chi phí sản xuất thực tế phát sinh. Phương pháp này hơi phức tạp nhưng độ chính xác cao, phù hợp với nguyên tắc giá gốc trong tính giá vốn sản phẩm sản xuất. Vì vậy, phương pháp này được áp dụng phổ biến ở các doanh nghiệp sản xuất.

Theo phương pháp này, doanh nghiệp phải xác định được khối lượng và mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang cuối kì, sau đó quy đổi số sản phẩm dở dang cuối kì theo mức độ hoàn thành ra số sản phẩm quy đổi (hoàn thành tương đương).

- ❖ Đối với chi phí bỏ hết một lần ngay từ đầu vào quy trình sản xuất (thường là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp) được phân bổ đều 100% cho cả sản phẩm dở dang và sản phẩm hoàn thành.

$$\text{Chi phí NVL trong sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí NVL dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVL phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

- ❖ Đối với chi phí bỏ dần vào quy trình sản xuất (thường là chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) được gọi là chi phí chế biến chỉ được phân bổ cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành.

$$\text{Chi phí chế biến trong sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí chế biến dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí chế biến phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương} = \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \times \text{Mức độ hoàn thành sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

1.8.3 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí định mức (chi phí kế hoạch)

Phương pháp này thực hiện tương tự như phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo sản lượng hoàn thành tương đương. Tuy nhiên, cần lưu ý là chi phí sản phẩm dở dang cuối kỳ được tính theo chi phí định mức (kế hoạch). Vì vậy, phương pháp này chỉ được áp dụng khi hệ thống định mức chi phí sản xuất có độ chính xác cao.

Công thức tính:

$$\text{Giá trị sản xuất dở dang cuối kỳ} = \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \times \text{Mức độ hoàn thành} \times \text{Định mức chi phí sản xuất}$$

1.8.4 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo 50% chi phí chế biến

Phương pháp này tương tự phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương, chỉ khác là chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được giả định hoàn thành 50%.

1.9 Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm

1.9.1 Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.9.1.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (CPNVLTT)

CPNVLTT bao gồm các khoản chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ... được sử dụng trực tiếp cho việc chế tạo sản phẩm. Đối với vật liệu khi xuất dùng có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng tập hợp chi phí riêng biệt thì hạch toán trực tiếp cho đối tượng đó. Trường hợp vật liệu xuất dùng có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí, không thể tổ chức hạch toán riêng, thì phải áp dụng phương pháp phân bổ gián tiếp để phân bổ chi phí cho các đối tượng có liên quan.

Để kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng **TK 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**.

Kết cấu TK 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Bên Nợ:

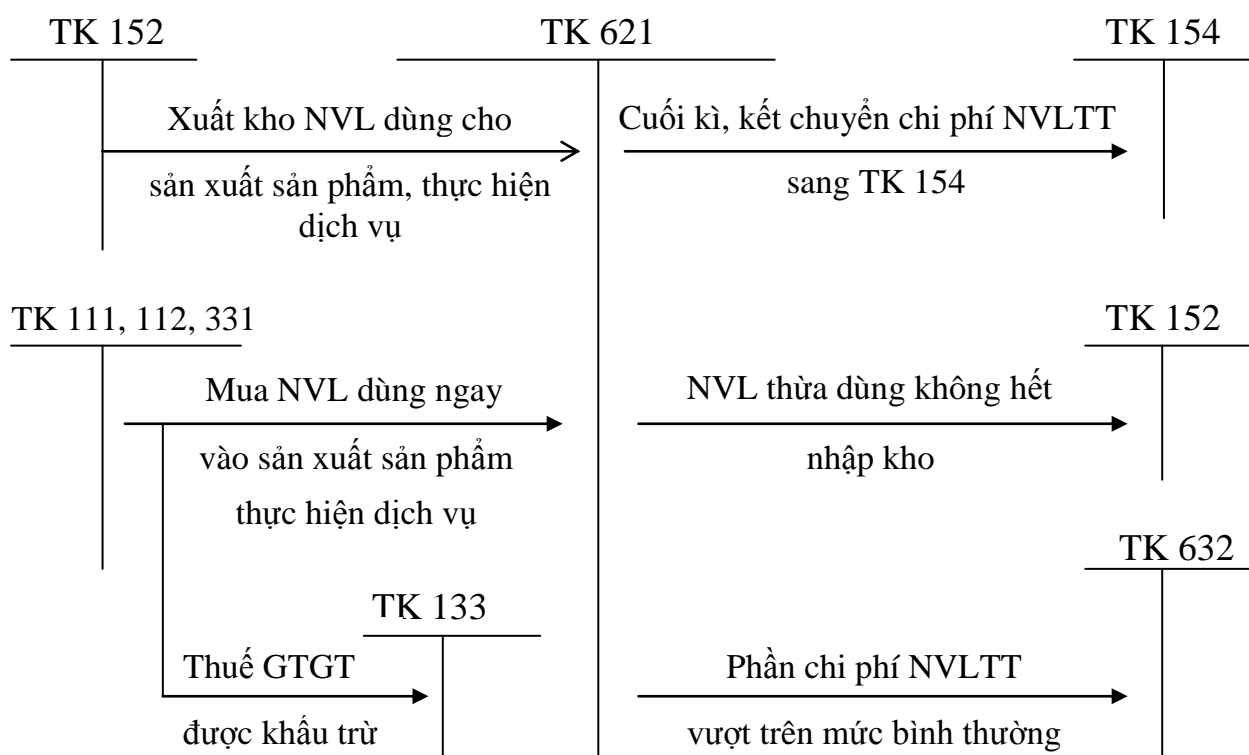
- Tập hợp chi phí nguyên vật liệu xuất dùng trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm hay thực hiện các lao vụ, dịch vụ.

Bên Có:

- Giá trị vật liệu xuất dùng không hết.
- Kết chuyển chi phí vật liệu trực tiếp.

Tài khoản 621 cuối kỳ không có số dư.

Sơ đồ 1.3: Kế toán tổng hợp CPNVLT



1.9.1.2 Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp (CPNCTT)

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm, trực tiếp thực hiện các lao vụ, dịch vụ như tiền lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp, tiền ăn ca. Ngoài ra, chi phí nhân công trực tiếp còn bao gồm các khoản đóng góp cho các quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN do chủ sử dụng lao động chịu và được tính vào chi phí kinh doanh theo một tỷ lệ nhất định tương ứng với số tiền lương phát sinh của công nhân trực tiếp sản xuất.

Trường hợp chi phí nhân công không tập hợp trực tiếp thì chi phí nhân công sẽ được tập hợp chung sau đó được phân bổ cho từng đối tượng theo một tiêu chuẩn phân bổ hợp lý. Các tiêu chuẩn dùng để phân bổ thường dùng là: chi phí tiền lương định mức (kế hoạch), giờ công định mức, giờ công thực tế, khối lượng sản phẩm sản xuất,...

Để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng **TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp**. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

Kết cấu TK 622- Chi phí nhân công trực tiếp:

Bên Nợ:

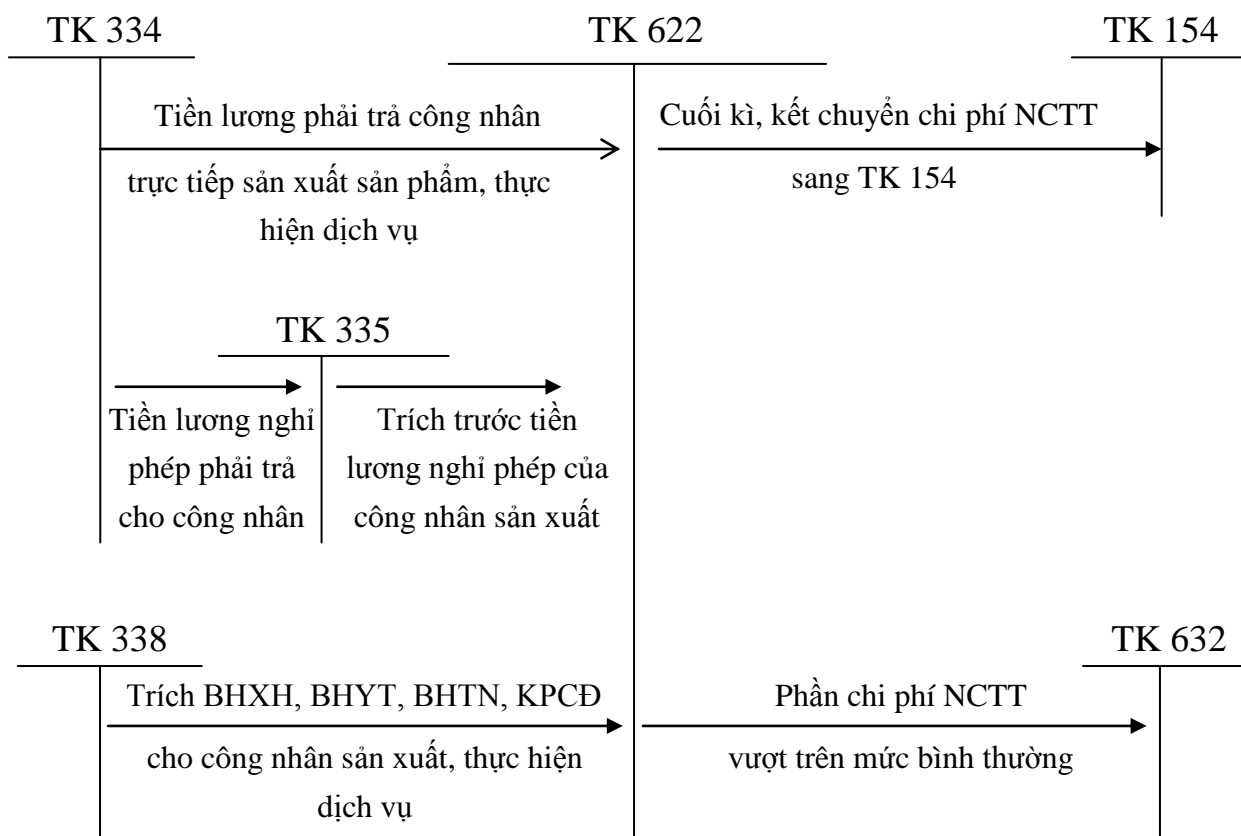
- Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp tham gia sản xuất sản phẩm, thực hiện lao vụ, dịch vụ.

Bên Có:

- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào tài khoản tính giá thành.

Tài khoản 622 cuối kì không có số dư.

Sơ đồ1.4: Kế toán tổng hợp CPNCTT



1.9.1.3 Hạch toán chi phí sản xuất chung (CPSXC)

Chi phí sản xuất chung là những chi phí cần thiết khác để phục vụ sản xuất sản phẩm phát sinh tại các phân xưởng, bộ phận sản xuất của doanh nghiệp. Chi phí sản xuất chung bao gồm: lương nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu dùng cho phân xưởng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho phân xưởng, chi phí khác bằng tiền,...

Để theo dõi chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng **TK 627 - Chi phí sản xuất chung**, mở chi tiết theo từng phân xưởng, bộ phận sản xuất, dịch vụ.

Khi hạch toán, chi phí sản xuất chung được chi tiết theo định phí (gồm những chi phí sản xuất gián tiếp, không thay đổi theo số lượng sản phẩm hoàn

thành như chi phí khấu hao, chi phí bảo dưỡng máy móc, thiết bị, chi phí quản lý hành chính ở phân xưởng...) và biến phí (gồm những chi phí còn lại, thay đổi theo số lượng sản phẩm hoàn thành).

Kết cấu TK 627 - Chi phí sản xuất chung

Bên Nợ:

- Tập hợp chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh.

Bên Có:

- Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung.
- Kết chuyển (hay phân bổ) chi phí sản xuất chung.

Tài khoản 627 cuối kì không có số dư. Ngoài ra, TK 627 được mở chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2:

- *TK 6271 - Chi phí nhân viên phân xưởng:* Phản ánh chi phí về lương, các khoản phụ cấp, tiền ăn giữa ca phải trả cho nhân viên phân xưởng và các khoản đóng góp cho các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp trích theo tỷ lệ với tiền lương phát sinh.
- *TK 6272 - Chi phí vật liệu:* Gồm các khoản chi phí về vật liệu sản xuất chung cho phân xưởng sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, nhà cửa, các chi phí vật liệu cho quản lý phân xưởng (giấy bút, văn phòng phẩm,...)
- *TK 6273 - Chi phí dụng cụ sản xuất:* Là chi phí về công cụ, dụng cụ sản xuất dùng trong phân xưởng.
- *TK 6274 - Chi phí khấu hao TSCĐ:* Phản ánh khấu hao TSCĐ thuộc các phân xưởng sản xuất kinh doanh chính, sản xuất kinh doanh phụ như máy móc, thiết bị, nhà cửa, kho bãi...
- *TK 6277 - Chi phí dịch vụ mua ngoài:* Gồm những chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của các phân xưởng, bộ phận như chi phí sửa chữa TSCĐ, điện, nước, điện thoại...
- *TK 6278 - Chi phí bằng tiền khác:* Là những chi phí còn lại ngoài các chi phí kể trên như chi phí hội nghị, tiếp khách, phí giao dịch ... của phân xưởng, bộ phận sản xuất.

Ngoài ra, tùy theo yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp, TK 627 có thể mở thêm một số tài khoản cấp 2 khác để phản ánh một số nội dung hoặc yếu tố chi phí.

Do chi phí sản xuất chung có liên quan đến nhiều loại sản phẩm, dịch vụ trong phân xưởng nên cần phải phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng

(sản phẩm, dịch vụ) theo tiêu thức phù hợp (theo định mức, theo tiền lương công nhân sản xuất thực tế, theo số giờ làm việc thực tế của công nhân sản xuất).

Đối với chi phí sản xuất chung biến đổi, kế toán sẽ phân bổ hết cho sản phẩm, dịch vụ hoàn thành theo công thức sau:

$$\text{Mức biến phí sản xuất chung phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng biến phí sản xuất chung cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \times \text{Tổng tiêu thức phân bổ của từng đối tượng}$$

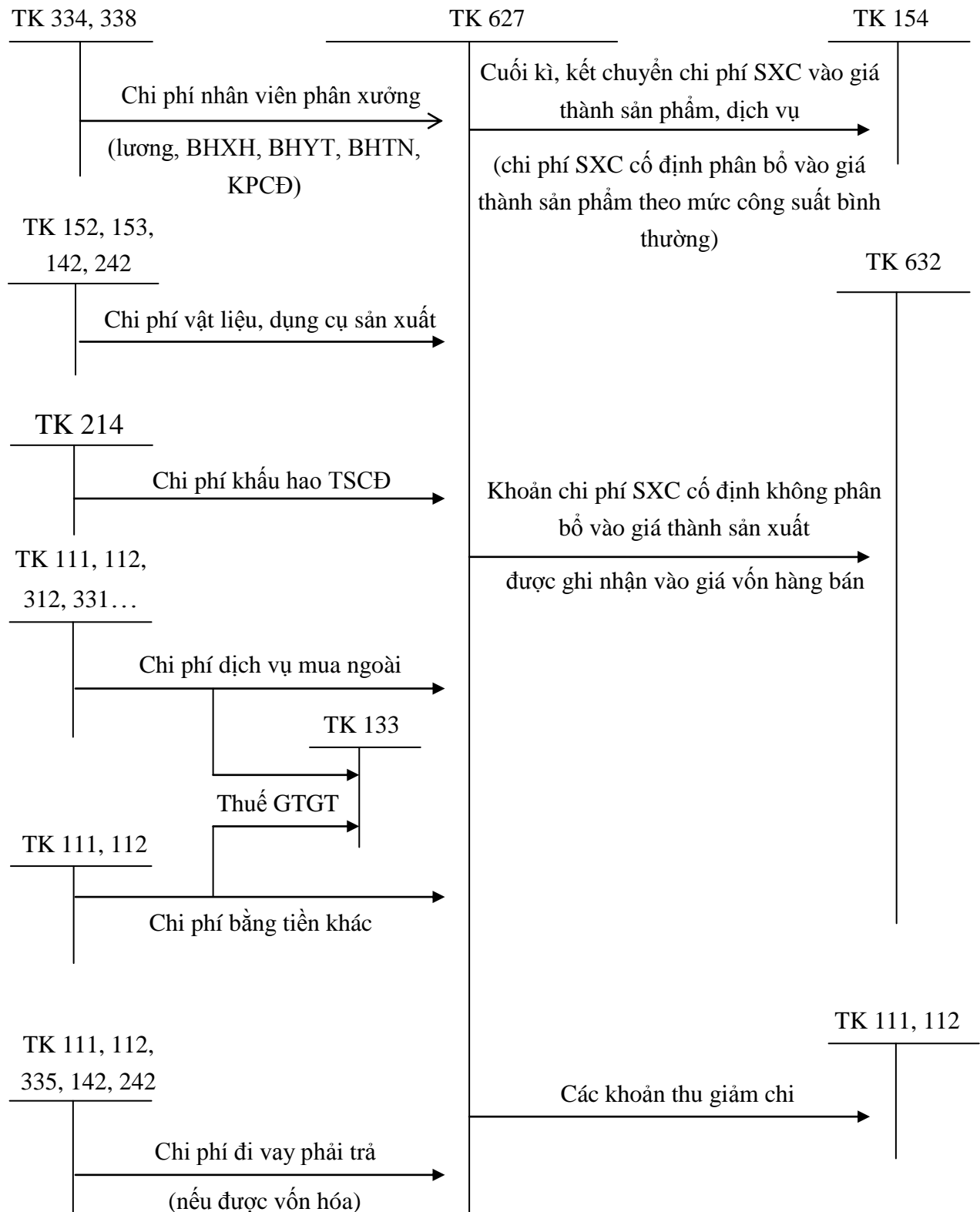
Đối với định phí sản xuất chung, trong trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất mà cao hơn mức công suất bình thường (mức công suất bình thường là mức sản phẩm đạt được ở mức trung bình trong điều kiện sản xuất bình thường) thì định phí sản xuất chung được phân bổ hết cho số sản phẩm sản xuất theo công thức:

$$\text{Mức định phí sản xuất chung phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng định phí sản xuất chung cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \times \text{Tổng tiêu thức phân bổ của từng đối tượng}$$

Trong trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất ra nhỏ hơn mức công suất bình thường thì phần định phí sản xuất chung phải phân bổ theo mức công suất bình thường, trong đó số định phí sản xuất chung tính cho lượng sản phẩm chênh lệch giữa thực tế so với mức bình thường được tính vào giá vốn hàng tiêu thụ (còn được gọi là định phí sản xuất chung không phân bổ). Công thức phân bổ như sau:

$$\text{Mức định phí sản xuất chung phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của mức sản phẩm sản xuất thực tế}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của sản phẩm theo công suất bình thường}} \times \text{Tổng định phí sản xuất chung cần phân bổ}$$

Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp CPSXC



1.9.1.4 Tổng hợp chi phí sản xuất cuối kì

Cuối kì, khi đã tập hợp xong chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung theo từng đối tượng trên các TK 621, TK 622, TK 627, kế toán sẽ tiến hành kết chuyển hoặc phân bổ các loại chi phí này để tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất cho từng đối tượng chịu chi phí; tiến hành kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì, thực hiện tính giá thành các loại sản phẩm, công việc, dịch vụ doanh nghiệp đã hoàn thành trong kì.

Để tập hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm hoàn thành theo phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán sử dụng **TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**.

TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được sử dụng để tập hợp chi phí sản xuất, cung cấp thông tin phục vụ cho công tác tính giá thành sản phẩm, dịch vụ ở các doanh nghiệp thuộc các ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản, kinh doanh dịch vụ,... Ngoài ra tài khoản này còn dùng để hạch toán các hoạt động thuê ngoài gia công chế biến, tự chế vật tư.

Kết cấu TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Bên Nợ:

- Kết chuyển chi phí sản xuất phát sinh trong kì.
- Giá trị vật liệu thuê ngoài chế biến.
- Chi phí thuê ngoài chế biến.

Bên Có:

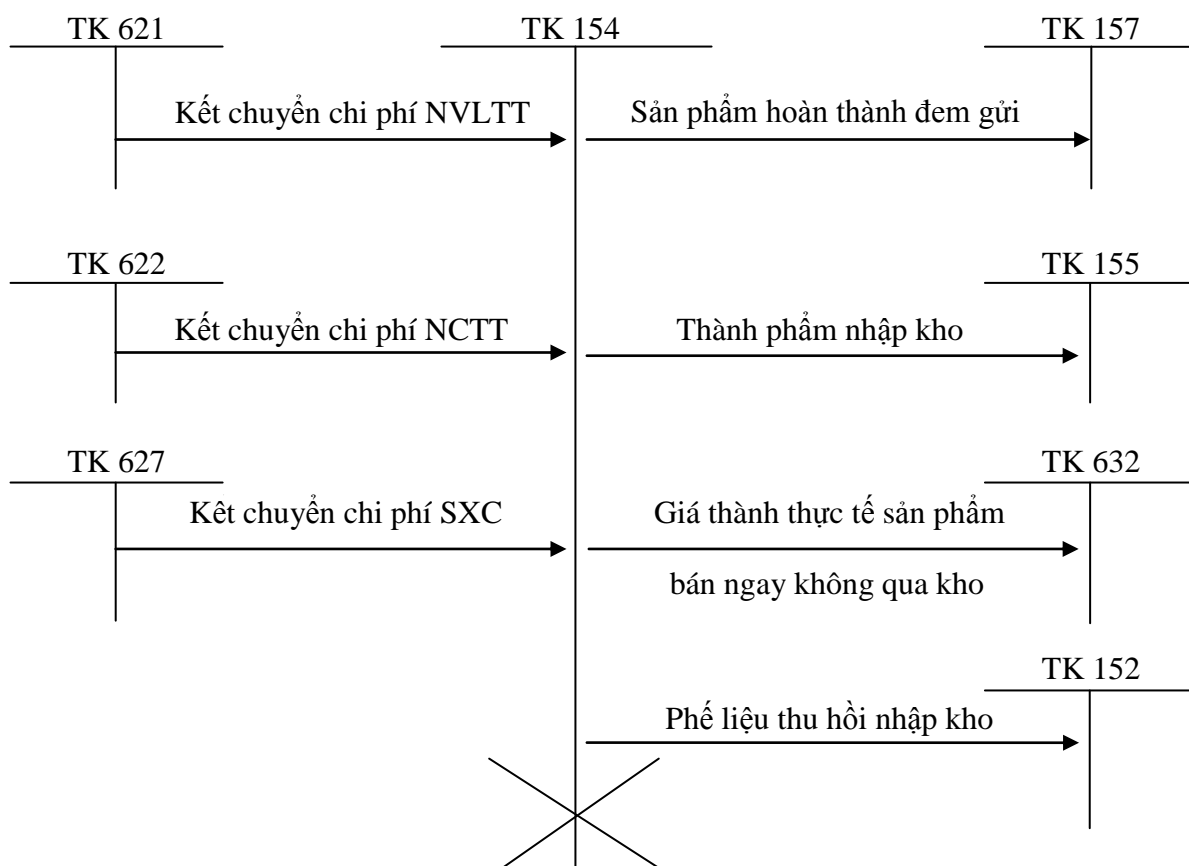
- Giá trị phế liệu thu hồi (nếu có).
- Các khoản giảm chi phí sản xuất trong kì.
- Giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm hoàn thành.

Dư Nợ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- Chi phí thuê ngoài chế biến hoặc tự chế vật tư chưa hoàn thành

Sau khi đã tổng hợp chi phí sản xuất phát sinh trong kì, kế toán doanh nghiệp cần phải tổ chức kiểm kê, đánh giá khối lượng sản phẩm dở dang cuối kì theo các phương pháp phù hợp.

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.9.2 Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Khác với các doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, các doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ không ghi chép các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hàng tồn kho liên tục. Bởi vậy, cuối kỳ doanh nghiệp phải tiến hành kiểm kê toàn bộ các loại nguyên vật liệu, thành phẩm trong kho và tại các phân xưởng cùng với bộ phận sản xuất dở dang để xác định chi phí của sản phẩm hoàn thành và của hàng đã bán.

- Hạch toán chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp: Đối với chi phí TK 621 - chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thì phương pháp hạch toán tập hợp chi phí được ghi một lần vào cuối kỳ theo định khoản:

Nợ 621

Có 611: Mua hàng

- Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp: Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, tài khoản sử dụng và cách tập hợp chi phí trong kỳ giống như phương pháp kê khai thường xuyên.

- Hạch toán chi phí sản xuất chung: Toàn bộ chi phí sản xuất chung được tập hợp vào TK 627 - Chi phí sản xuất chung và được chi tiết theo các tài khoản cấp 2 tương ứng, tương tự như các doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

- Tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang: kế toán sử dụng TK 631 (Giá thành sản xuất) để tập hợp kết chuyển các chi phí sản xuất thực tế phát sinh vào các đối tượng chịu chi phí phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm. Được hạch toán vào tài khoản 631 - Giá thành sản xuất bao gồm các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Nội dung phản ánh của tài khoản 631 như sau:

Bên Nợ:

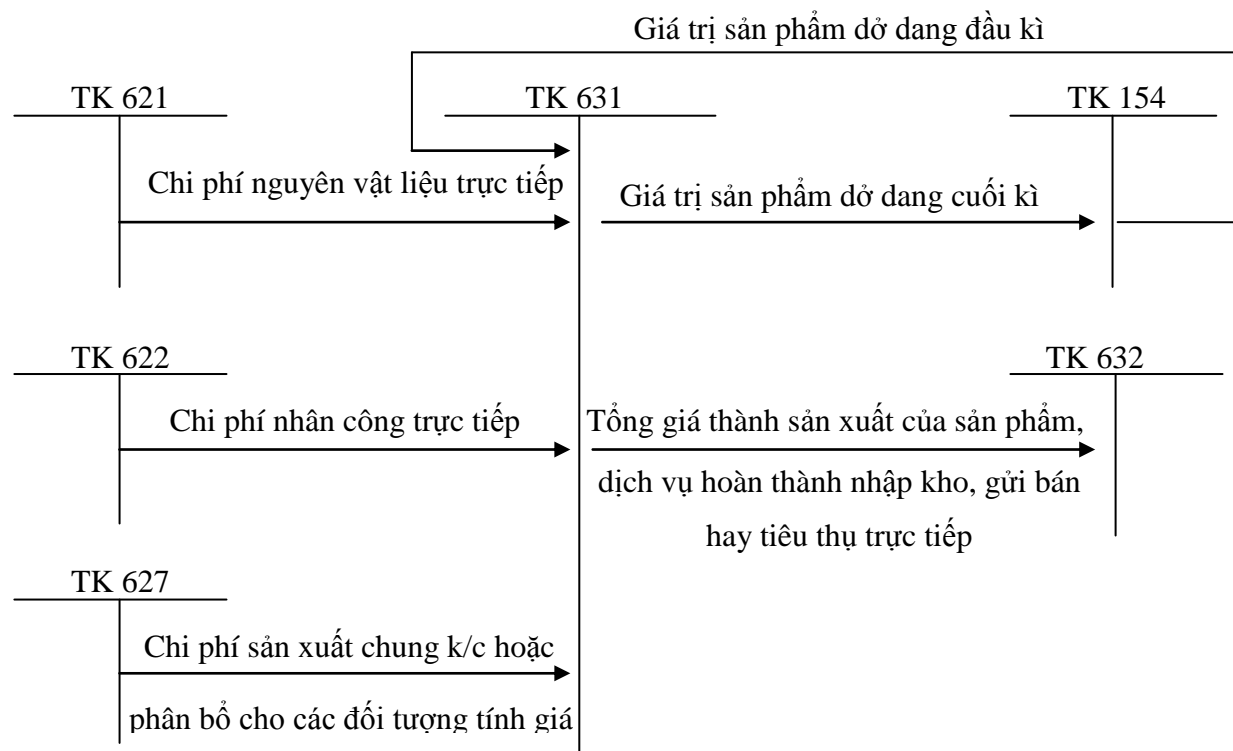
- Phản ánh giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ liên quan tới chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.
- Tổng giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành.

Tài khoản 631 cuối kỳ không có số dư.

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



1.10 Hạch toán thiệt hại trong sản xuất

1.10.1 Kế toán thiệt hại về sản phẩm hỏng

Sản phẩm hỏng là những sản phẩm đang trong quá trình sản xuất hoặc đã sản xuất xong nhưng bị sai về mặt tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến chất lượng, mẫu mã, quy cách. Những sai phạm này có thể do tay nghề lao động, chất liệu vật liệu, tình trạng kỹ thuật, việc chấp hành kỷ luật lao động, sự tác động của điều kiện tự nhiên...

Sản phẩm hỏng gây ra những tổn thất nhất định đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và nếu không có biện pháp kiểm soát để sản phẩm hỏng đưa ra thị trường thì sẽ gây ra tổn thất lớn lao cho doanh nghiệp, liên quan đến uy tín sản xuất của doanh nghiệp. Tuy nhiên sản phẩm hỏng cũng được phân biệt làm 2 trường hợp: sản phẩm hỏng trong định mức cho phép và sản phẩm hỏng ngoài định mức (hoặc vượt định mức quy định).

- Sản phẩm hỏng trong định mức bao gồm những sản phẩm hỏng nằm trong giới hạn cho phép, xảy ra do đặc điểm và điều kiện sản xuất cũng như đặc điểm của sản phẩm. Các khoản thiệt hại liên quan đến sản phẩm hỏng trong định mức được tính vào giá thành của sản phẩm hoàn thành.

- Sản phẩm hỏng ngoài định mức gồm những sản phẩm hỏng vượt qua giới hạn cho phép do những nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan gây ra. Đối với sản phẩm hỏng ngoài định mức thì các khoản thiệt hại về mặt chi phí liên quan đến nó không được tính vào giá thành sản phẩm hoàn thành.

1.10.1.1 Đối với sản phẩm hỏng sửa chữa được

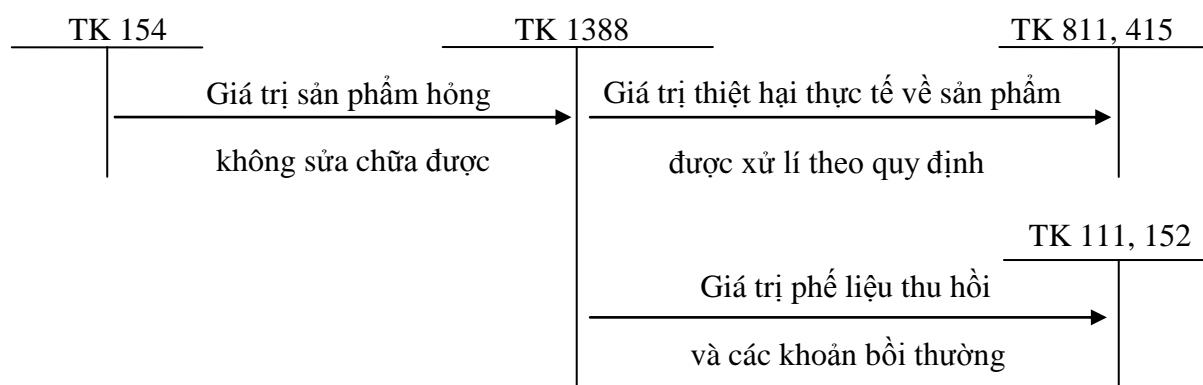
Chi phí sửa chữa được hạch toán vào những khoản mục chi phí sản xuất sản phẩm phù hợp với nội dung của từng khoản sửa chữa để cuối kì kết chuyển vào giá thành của sản phẩm hoàn thành trong kì, hoặc theo dõi chi tiết chi phí sửa chữa để tổng hợp toàn bộ chi phí sửa chữa phát sinh rồi kết chuyển vào giá thành của sản phẩm hoàn thành trong kì.

Sơ đồ 1.8 Sơ đồ hạch toán sản phẩm hỏng sửa chữa được



1.10.1.2 Đối với sản phẩm hỏng không sửa chữa được

Sơ đồ 1.9 Sơ đồ hạch toán sản phẩm hỏng không sửa chữa được



1.10.2. Kế toán thiệt hại ngừng sản xuất

Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp có thể có những trường hợp phải ngừng sản xuất do các nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan gây ra: thiết bị sản xuất bị hỏng, thiếu nguyên vật liệu, do thiên tai, hỏa hoạn...

Thời gian ngừng sản xuất là thời gian không tạo ra sản phẩm nhưng vẫn có chi phí phát sinh: bảo vệ tài sản, bảo đảm đời sống cho người lao động, duy trì các hoạt động của bộ máy lãnh đạo... Các khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất không tham gia vào quá trình tạo ra sản phẩm nên về nguyên tắc không thể tính vào giá thành sản xuất sản phẩm mà đó là chi phí thời kì phải xử lý ngay trong kì kế toán.

- Trường hợp ngừng sản xuất trong kế hoạch: doanh nghiệp đã có lập dự toán chi phí của thời gian ngừng sản xuất. Kế toán căn cứ vào dự toán để trích trước tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Nợ TK 622, 627

Có TK 335

Khi phát sinh chi phí thực tế sẽ ghi:

Nợ TK 335

Có TK 334, 338, 152,...

Cuối niên độ phải điều chỉnh số trích trước theo số thực tế phát sinh:

- + Nếu số trích trước > số thực tế thì khoản chênh lệch sẽ ghi:

Nợ TK 335

Có TK 622, 627

- + Nếu số trích trước < số thực tế thì khoản chênh lệch được tính vào chi phí:

Nợ TK 622, 627

Có TK 335

- Trường hợp ngừng sản xuất ngoài kế hoạch:

- + Các khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất sẽ ghi:

Nợ TK 811

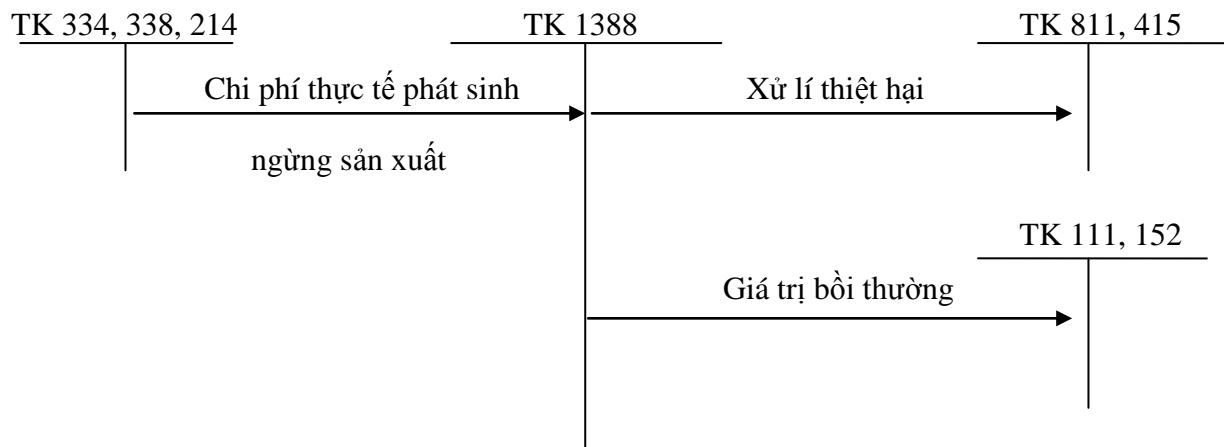
Có TK 334, 338, 152...

- + Các khoản thu được do bồi thường thiệt hại sẽ ghi:

Nợ TK 111, 112, 1388

Có TK 711

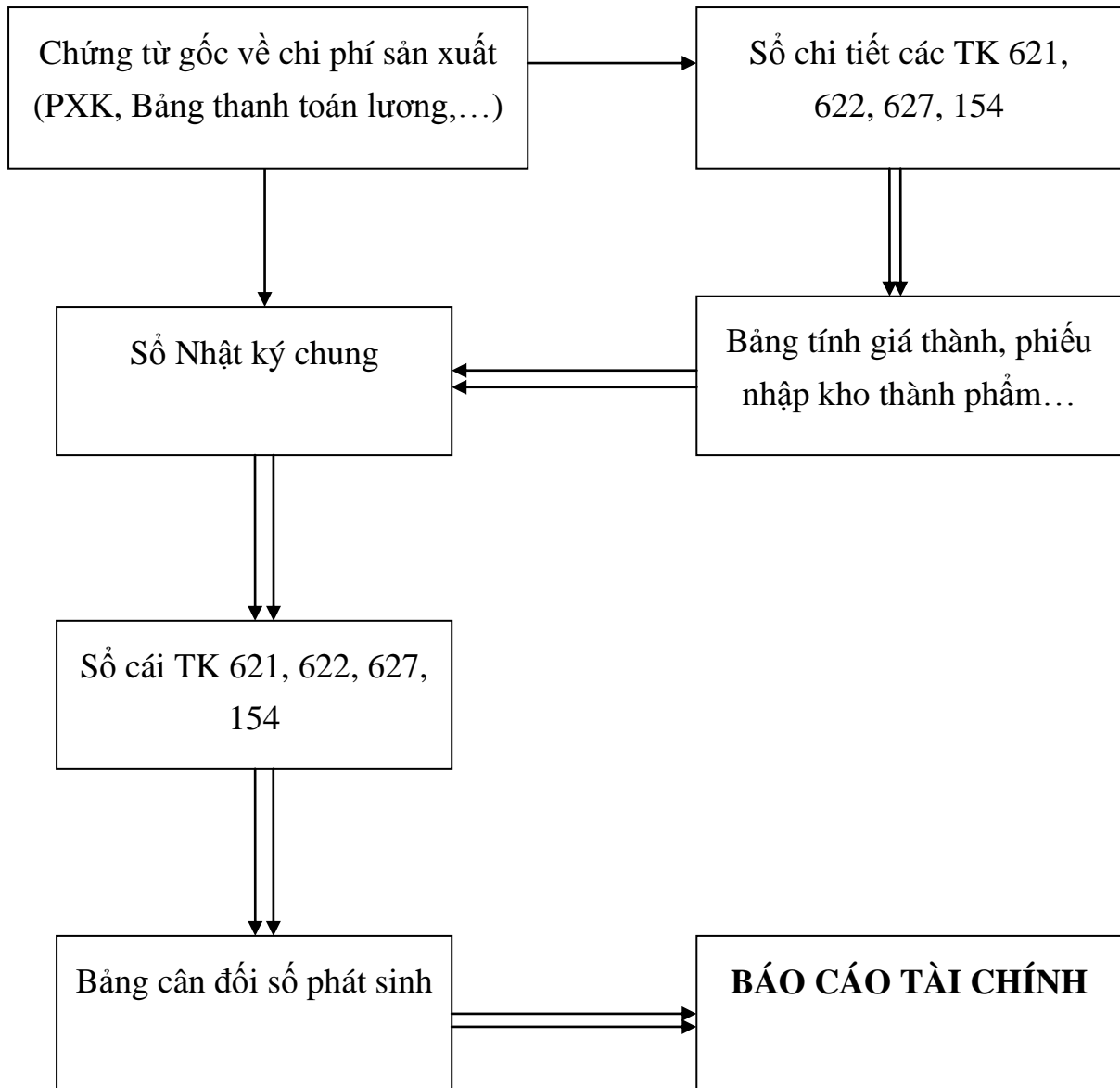
Sơ đồ 1.10: Hạch toán tổng hợp thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch



1.11 Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán

1.11.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

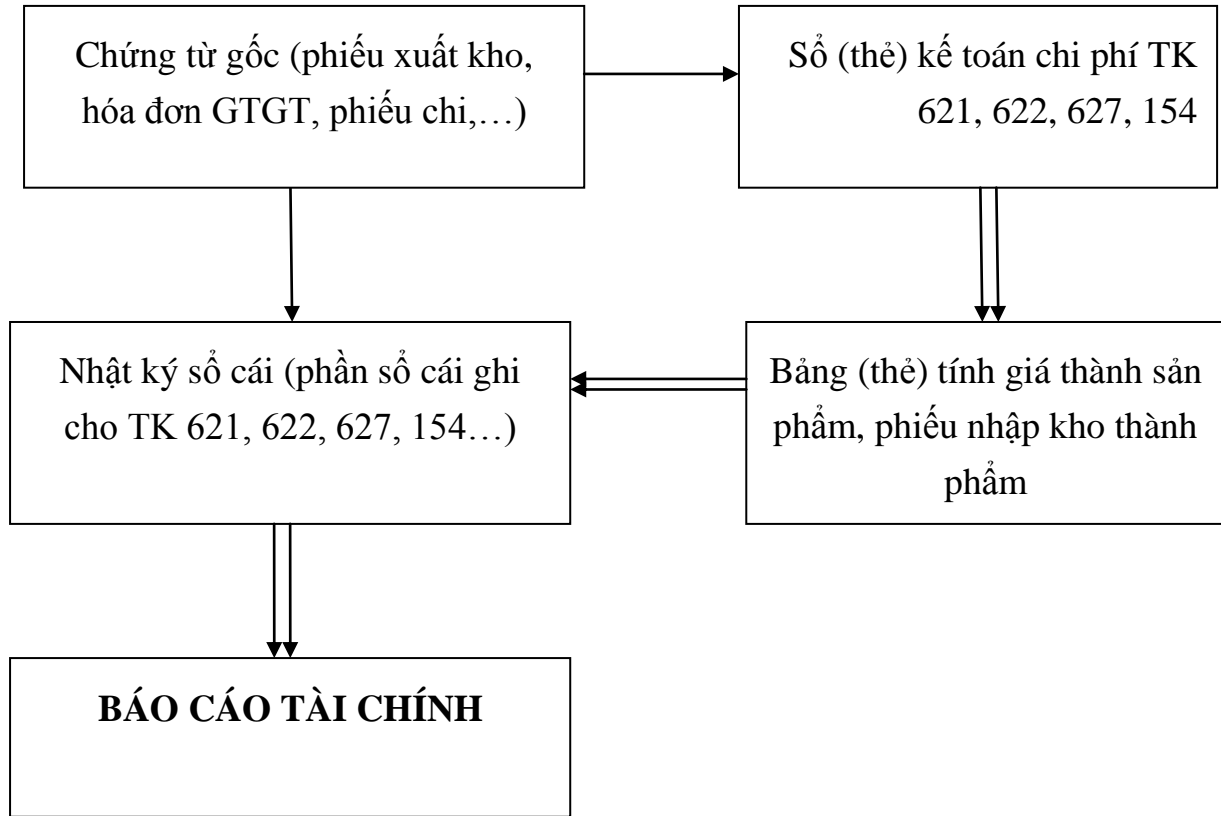
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
Ghi định kì ==>

1.11.2 Hình thức kế toán Nhật kí – Sổ Cái

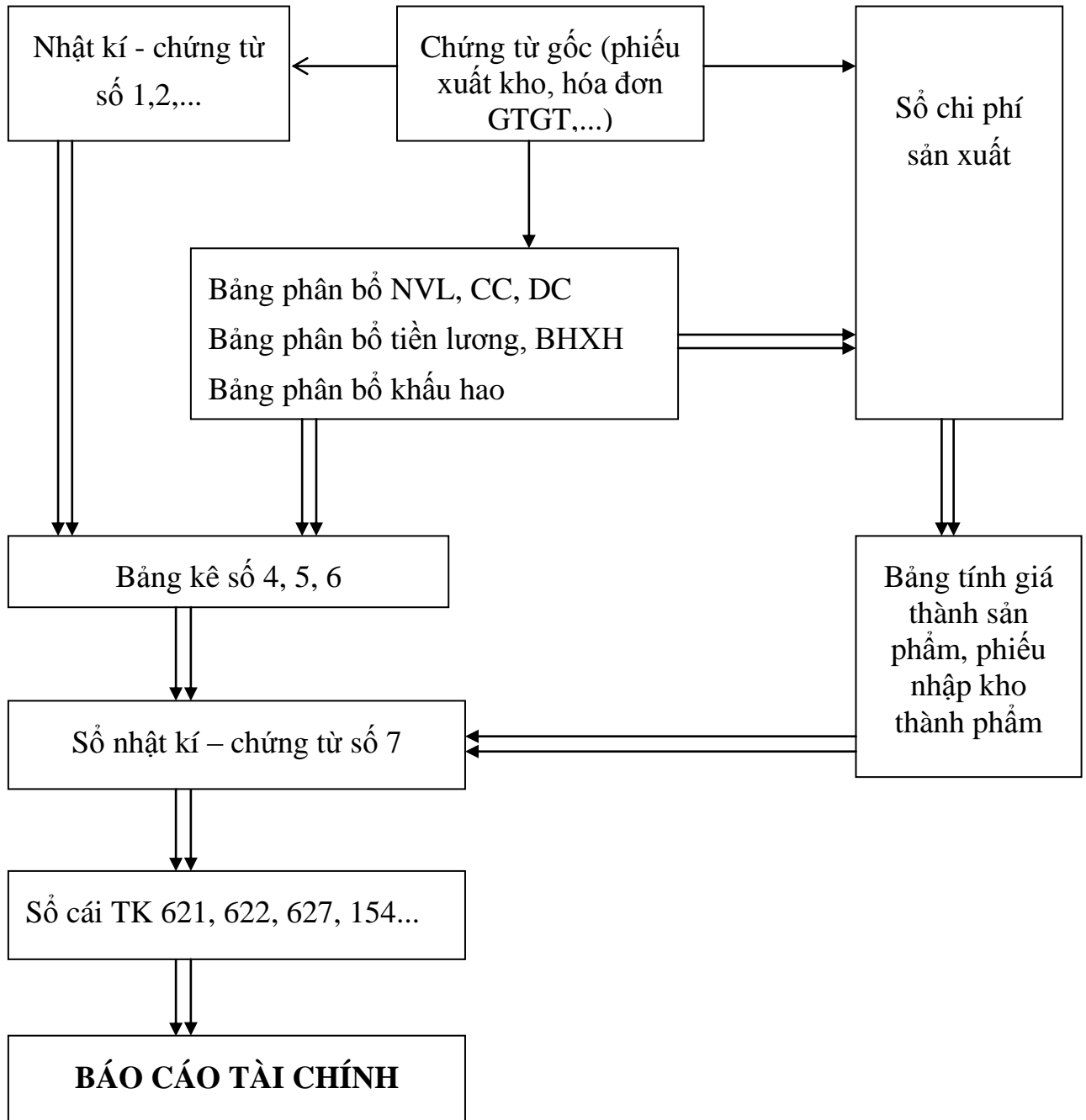
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật kí - Sổ cái



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
Ghi định kì ==>

1.11.3 Hình thức kế toán Nhật kí- chứng từ

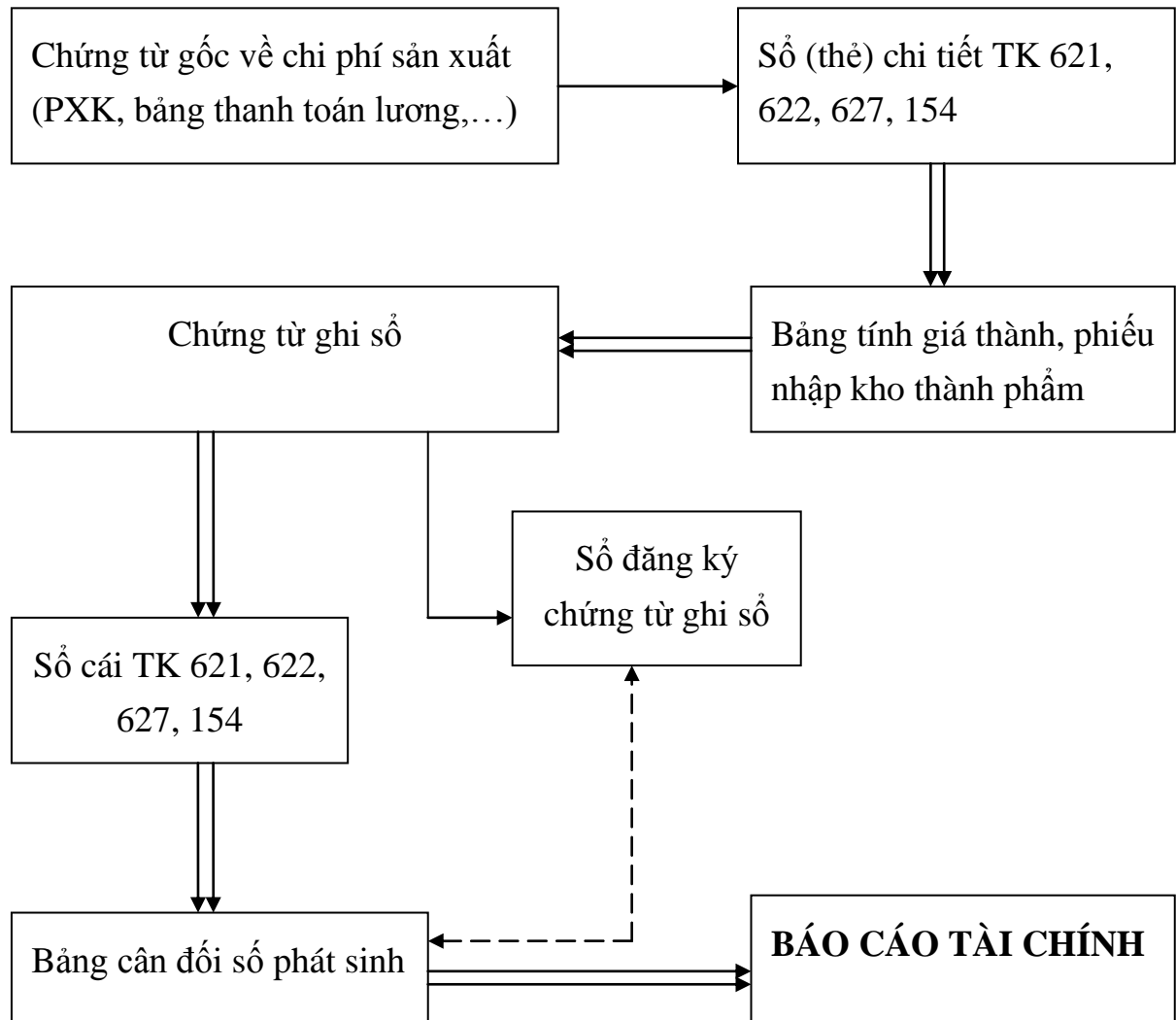
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật kí - chứng từ



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
 Ghi định kì ==>

1.11.4 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

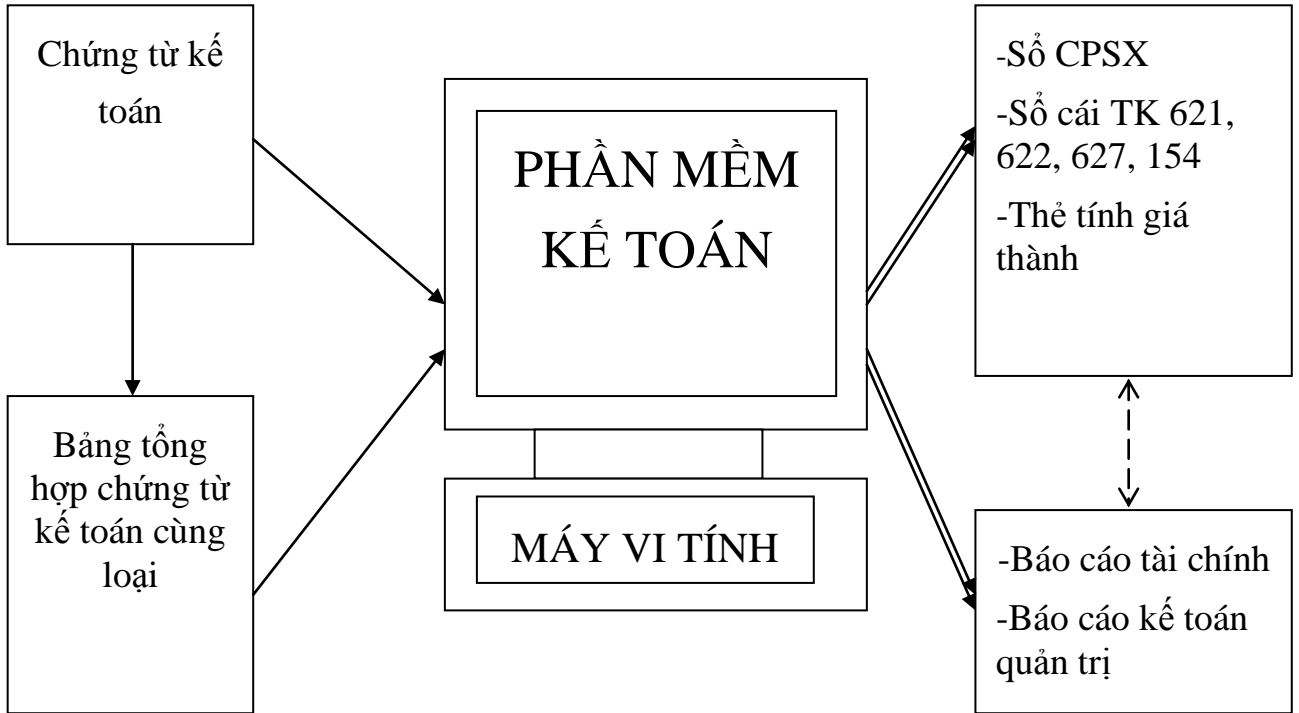
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
 Ghi định kì ==>
 Đối chiếu <-->

1.11.5 Hình thức kế toán trên máy tính

Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
Ghi định kì ==>
Đối chiếu <-->

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH HÀO QUANG

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hào Quang

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Hào Quang

Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng và tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Công ty được quyền chủ động trong việc mở tài khoản giao dịch tại ngân hàng, khai thác vật tư, kiểm soát nguồn vốn và lao động cũng như kí các hợp đồng kinh tế.

- Tên công ty: Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang
- Trụ sở công ty: Thôn Phương Hạ, Xã Chiến Thắng, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại: 031.3879126
- Fax: 031.3789168
- Mã số doanh nghiệp: 0200446698

Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang từ khi thành lập đã trải qua 13 năm trưởng thành và phát triển, đã dần khẳng định được tên tuổi và vị trí của mình, tìm được thị trường riêng với lượng khách hàng ổn định.

Khi đăng kí kinh doanh, công ty đã đăng kí nhiều ngành nghề khác nhau để tiện cho việc mở rộng lĩnh vực kinh doanh sau này. Nhưng hiện nay, trên thực tế công ty chỉ thực hiện hoạt động sản xuất và kinh doanh, xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu và sản phẩm may mặc. Ngoài ra, công ty còn nhận gia công sản phẩm cho một số công ty khác.

Tình hình nhân sự

- + Tổng nhân sự: 118 người
- + Công nhân trực tiếp: 86 người
- + Nhân viên gián tiếp: 32 người

Trình độ:

- + Đại học: 17 người
- + Cao đẳng: 10 người
- + Phổ thông: 91 người

Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, với số vốn điều lệ là: 16.666.000.000 đồng.

Thành tích đạt được trong giai đoạn 2011-2013:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu bán hàng	đ	18.148.410.000	14.067.540.800	16.690.361.570
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	đ	4.791.273.045	2.254.495.401	3.581.909.967
Thuế TNDN	đ	1.197.818.261	563.623.850	895.477.492
Lợi nhuận sau thuế	đ	3.593.454.784	1.690.871.551	2.686.432.475
Thu nhập bình quân	đ/ng	2.970.500	3.550.000	3.750.000

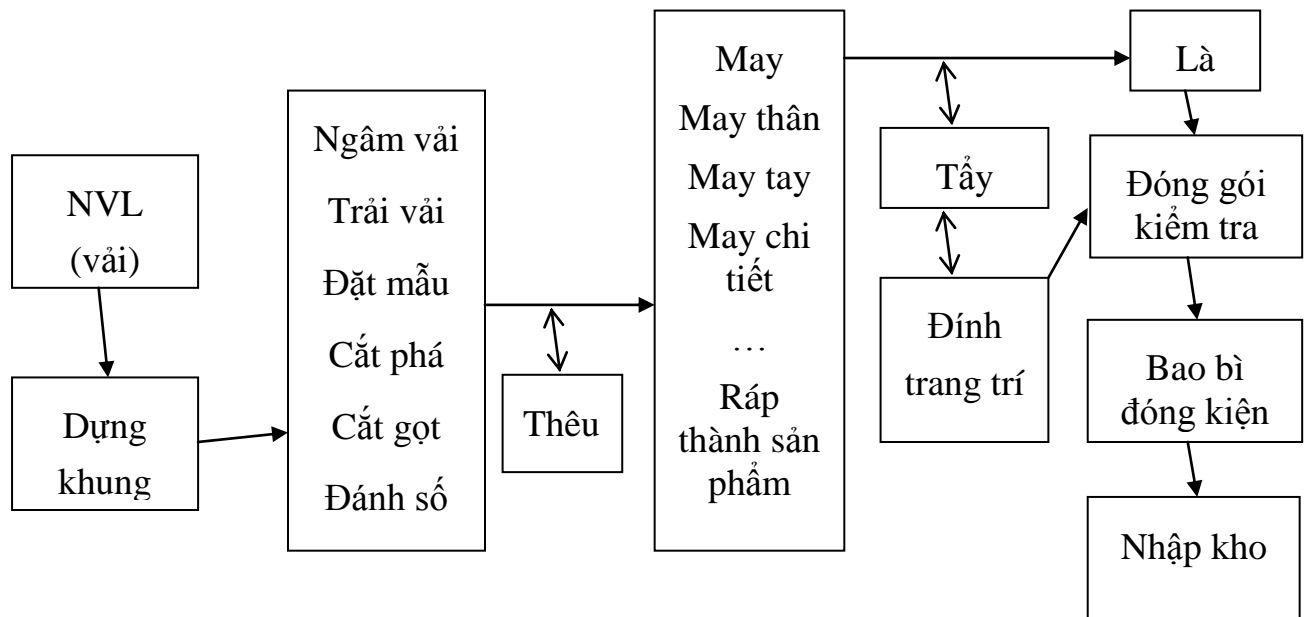
(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

2.1.2 Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty TNHH Hào Quang

Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang có hình thức hoạt động là: sản xuất – kinh doanh – xuất nhập khẩu các loại sản phẩm phục vụ chủ yếu cho tang lễ như: bộ áo váy tang kiểu ngắn kiểu dài, khăn phủ quan tài, giày hoa tang lễ, bộ nơ tang lễ, thẻ tang,... Đặc điểm của công ty chủ yếu là gia công các mặt hàng trên theo đơn đặt hàng nên quá trình sản xuất thường mang tính hàng loạt, số lượng sản phẩm lớn, chu kỳ sản xuất xen kẽ, sản phẩm phải qua nhiều giai đoạn xử lý liên tục theo một trình tự nhất định là từ cắt – may – ghép – là – đóng gói – đóng hòm – nhập kho.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang là công ty sản xuất, đối tượng là vải được cắt may thành nhiều mặt hàng khác nhau.

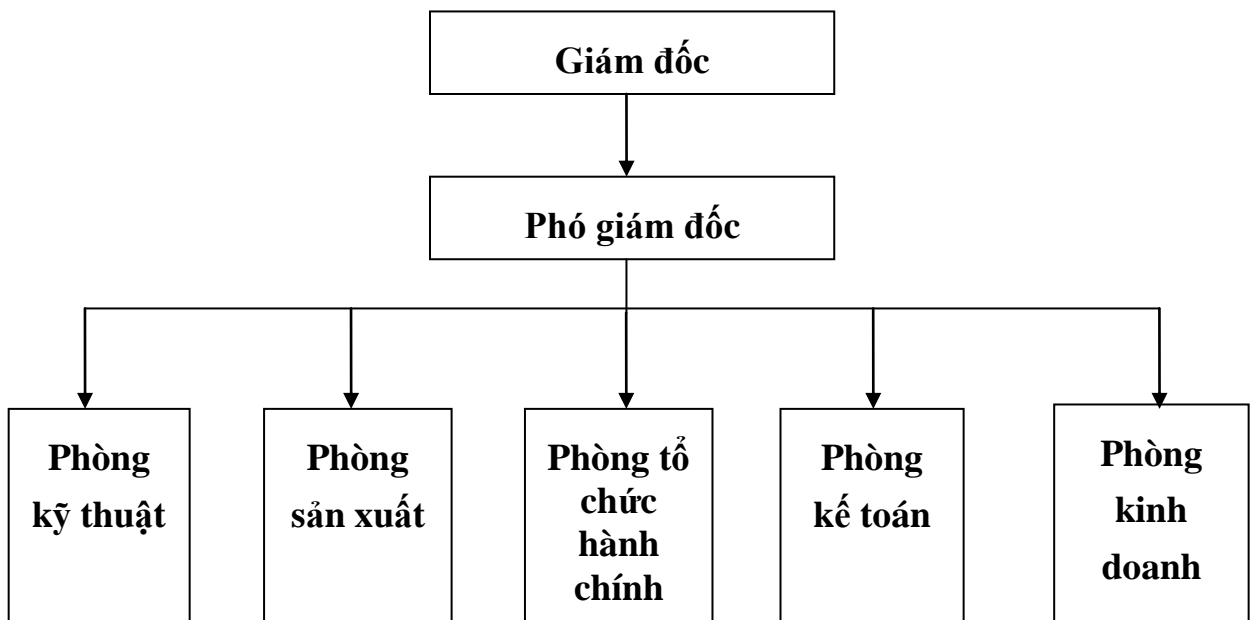
Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Hòa Quang



(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hòa Quang)

2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Hòa Quang

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty:



(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hòa Quang)

Giám đốc: là người có quyền hành cao nhất công ty, chịu trách nhiệm cao nhất trước nhà nước, pháp luật, trước các đối tác và công nhân viên công ty; trực tiếp kí các hợp đồng kinh tế.

Phó giám đốc: hỗ trợ giám đốc quản lí công ty, chịu trách nhiệm điều hành và giải quyết các vấn đề nội bộ trong công ty.

Công ty có 5 phòng ban. Đứng đầu mỗi phòng là các trưởng phòng. Mỗi phòng phụ trách một mảng chuyên môn nghiệp vụ riêng, hỗ trợ giám đốc trong việc đưa ra các quyết định.

Phòng kỹ thuật: kiểm tra chất lượng sản phẩm, nghiên cứu, quản lí, giải quyết khiếu nại và tổ chức theo dõi chất lượng sản phẩm. Phòng kỹ thuật có: tổ theo dõi sản phẩm, tổ bảo trì máy móc.

Phòng sản xuất: có nhiệm vụ sản xuất sản phẩm, phòng gồm có:

- + Kho nguyên liệu: tổ xuống NVL (tổ bốc vác).
- + Kho thành phẩm: tổ lên hàng (lên thành phẩm).
- + Kho bao bì.

Phòng tổ chức hành chính: quản lí hồ sơ, tổ chức hội họp, tiếp khách; tổ chức tuyển nhân viên theo kế hoạch đề ra; giải quyết chính sách, chế độ quyền lợi cho nhân viên,...

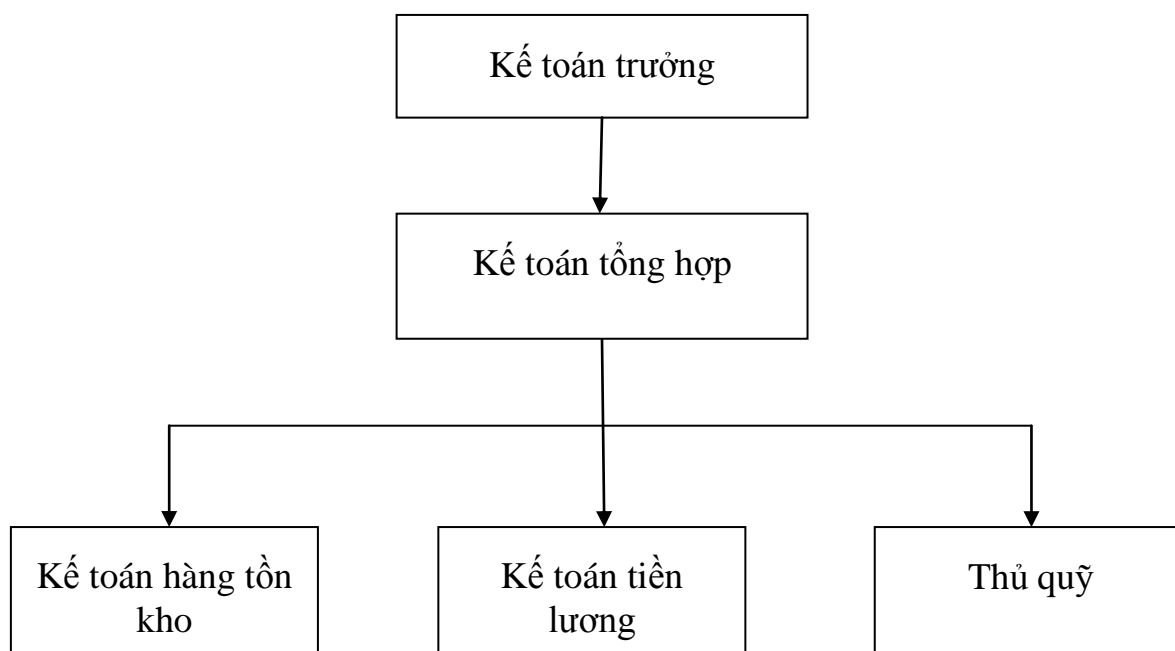
Phòng kế toán: chịu trách nhiệm trực tiếp với giám đốc về các vấn đề tài chính của công ty, được quyền phân công chỉ đạo trực tiếp các phòng ban khác trong công ty.

Phòng kinh doanh: giúp giám đốc trong việc kinh doanh hàng hóa và khai thác dịch vụ; phải nắm bắt được tình hình thị trường, khai thác khách hàng,...

2.1.4 Đặc điểm tổ chức máy kế toán và chính sách áp dụng tại Công ty TNHH Hào Quang

- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ 01-01, kết thúc 31-12.
- Đơn vị tiền tệ để ghi chép sổ kế toán : Đồng Việt Nam.
- Chế độ kế toán công ty áp dụng: theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 138/2011/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2011 của Bộ Tài Chính).
- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.
- Công ty sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng cho tài sản cố định.
- Công ty áp dụng mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung.

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Hào Quang



(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Nhiệm vụ của phòng kế toán là hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện thu thập xử lý các thông tin kế toán ban đầu, thực hiện chế độ hạch toán và quản lý tài chính theo đúng quy định của Bộ tài chính. Đồng thời, cung cấp thông tin về tình hình tài chính công ty một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời; từ đó tham mưu cho ban giám đốc để đề ra các biện pháp và chính sách phát triển công ty.

Dựa trên quy mô sản xuất, đặc điểm tổ chức quản lý của công ty, phòng kế toán gồm 5 người.

- + Đứng đầu là kế toán trưởng: chịu trách nhiệm cao nhất về công tác kế toán tài chính trong công ty .
- + Kế toán tổng hợp: kiểm tra công việc của kế toán viên, tính giá thành sản phẩm.
- + Kế toán hàng tồn kho: theo dõi, kiểm tra tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu; lập và quản lý chứng từ liên quan về hàng tồn kho.
- + Kế toán tiền lương: thực hiện việc tính toán lương, thưởng, các khoản bảo hiểm hưởng theo chế độ của người lao động.
- + Thủ quỹ: quản lý quỹ, các khoản thu chi tiền mặt.

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hào Quang

2.2.1 Cách phân loại chi phí sản xuất tại Công ty TNHH Hào Quang

Để đáp ứng yêu cầu quản lý của công ty và những quy định của nhà nước, công ty đã phân loại chi phí sản xuất theo các khoản mục sau:

-Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: bao gồm các khoản chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các lao vụ, dịch vụ như chi phí mua vải, chỉ may, giấy lót, mex,...

-Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các loại lao vụ, dịch vụ như chi phí tiền lương cho bộ phận may, lương bộ phận ráp thành phẩm,...

-Chi phí sản xuất chung: là những khoản chi phí cần thiết khác phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm phát sinh ở các phân xưởng, bộ phận sản xuất. Chi phí sản xuất chung bao gồm: chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu dùng cho phân xưởng, chi phí dụng cụ sản xuất, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho phân xưởng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền như chi phí tiền điện, nước,...

2.2.2 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hào Quang

2.2.2.1 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là nhiệm vụ đầu tiên của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm Việc này ảnh hưởng đến tính chính xác và kịp thời của thông tin kế toán từ quá trình tập hợp chi phí sản xuất. Vì vậy, việc tập hợp chi phí sản xuất phải phù hợp với tình hình tổ chức sản xuất, phù hợp với yêu cầu quản lý chi phí sản xuất, có ý nghĩa quan trọng trong công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ở công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang được dựa trên đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ và yêu cầu quản lý. Do vậy, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tại công ty là phân xưởng sản xuất.

2.2.2.2 Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Đối tượng tính giá thành là đối tượng hao phí vật chất mà doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất đã được kết tinh trong đó nhằm định lượng hao phí vật chất cần bù đắp cũng như tính toán được kết quả sản xuất kinh doanh.

Để xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm thích hợp, bộ phận kế toán chi phí – giá thành phải căn cứ vào quy trình sản xuất và đặc điểm của sản phẩm sản xuất. Để phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất công ty đã xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm là từng loại sản phẩm.

2.2.3 Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm

❖ Kỳ tính giá thành sản phẩm

Căn cứ vào chu kỳ sản xuất kinh doanh, công ty đã thực hiện xác định kỳ tính giá thành là theo từng tháng.

❖ Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Xuất phát từ đặc điểm sản xuất của công ty là sản xuất liên tục, khối lượng sản phẩm lớn, chu kỳ sản xuất ngắn nên công ty áp dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng chi phí sản xuất phát sinh} \\ \text{trong kỳ của loại sản phẩm } i \end{array} = \text{CPNVLT } sp(i) + \text{CPNCTT } sp(i) + \text{CPSXC } sp(i)$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành sản} \\ \text{phẩm hoàn thành của} \\ \text{loại sản phẩm } i (\sum Zi) \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{đang đầu kỳ của} \\ \text{loại sản phẩm } i \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí SXKD} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \\ \text{của loại sản phẩm } i \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{đang cuối kỳ của} \\ \text{loại sản phẩm } i \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành đơn vị sản phẩm hoàn} \\ \text{thành của loại sản phẩm } i (Z_{\text{đơn vị}}) \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành của loại sản phẩm } i}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành của loại sản phẩm } i}$$

2.2.4 Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hòa Quang

Để minh họa cho dòng chảy số liệu, bài viết trích dẫn số liệu của sản phẩm Áo váy tang Hàn Quốc/H0102-GP2 vào tháng 3 năm 2013 làm ví dụ minh họa.

2.2.4.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty TNHH Hòa Quang

- ❖ **Chứng từ sử dụng:** Phiếu xuất kho, bảng kê xuất, hóa đơn GTGT.
- ❖ **Tài khoản sử dụng:** TK 1541 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- ❖ **Sổ sách sử dụng:**
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 1541
 - Sổ chi tiết TK 1541 mở cho từng sản phẩm.
- ❖ **Nội dung hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

CPNVLTT dùng trong quá trình sản xuất sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang gồm nhiều loại được chia thành nhiều loại nhưng được chia thành 2 nhóm chính: nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ.

+ Nguyên vật liệu chính gồm: vải 100% cotton, vải 100% polyester, mex, bìu giấy các loại...

+ Nguyên vật liệu phụ gồm: băng keo dán, chỉ may các loại, cúc bấm, cúc dáp các loại, dây chun, hoa trang trí...

Để đảm bảo việc sử dụng vật tư đúng mức, phòng thu mua căn cứ vào dự toán sản xuất, đơn đặt hàng, tình hình sử dụng vật tư,... để kịp thời đưa ra kế hoạch thu mua nguyên vật liệu và cung cấp nguyên vật liệu kịp thời cho việc sản xuất sản phẩm.

Căn cứ vào dự toán được lập, đơn đặt hàng, tình hình sử dụng vật tư cụ thể ở từng phân xưởng, nhân viên phòng sản xuất sẽ mua vật tư và lấy hoá đơn GTGT. Kế toán, thủ kho, nhân viên kỹ thuật kiểm nghiệm chất lượng, số lượng vật tư, sau đó thủ kho lập phiếu nhập kho. Căn cứ vào Hoá đơn GTGT, phiếu nhập, và một số chứng từ khác có liên quan (phiếu chi, giấy báo nợ), kế toán tiến hành việc ghi sổ chi tiết nguyên vật liệu mở riêng cho từng sản phẩm.

Ở Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang, nguyên liệu mua về được nhập kho, kế toán lập phiếu nhập kho dựa trên hóa đơn và biên bản kiểm kê nguyên vật liệu. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được phản ánh khi xuất kho nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm. Công ty xác định giá trị vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì.

$$\text{Đơn giá NVL thực tế bình quân xuất dùng} = \frac{\text{Giá trị NVL tồn đầu kì} + \text{Giá trị NVL nhập trong kì}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kì} + \text{Số lượng NVL nhập trong kì}}$$

$$\text{Giá trị thực tế của NVL xuất dùng trong kì} = \text{Số lượng NVL xuất trong kì} \times \text{Đơn giá cả kì bình quân}$$

Nguyên vật liệu được quản lí ở các kho, việc nhập xuất vật tư được cán bộ quản lí kho theo dõi chặt chẽ thông qua định mức tiêu hao. Nguyên vật liệu sẽ được xuất dùng dần trong kì sản xuất. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, phòng kỹ thuật sẽ tính toán số lượng nguyên vật liệu cần sử dụng cho sản xuất, sau đó làm

một bản đề nghị xuất vật tư cần dùng gửi cho kế toán vật tư. Kế toán vật tư căn cứ vào bản đề nghị lập phiếu xuất kho.

Phiếu xuất kho được lập thành 2 liên: 1 liên lưu gốc ở nơi lập phiếu, 1 liên thủ kho giữ để vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

Đơn giá ghi trên phiếu xuất kho là giá tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì.

Ví dụ: Ngày 27/2/2013, công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang nhận được 1 đơn đặt hàng sản xuất bao gồm 1.200 bộ váy tang Hàn Quốc/H0102-GP2, 5.000 đôi giày hoa tang lễ H0118-K2.

Sau khi nhận được yêu cầu sản xuất, bộ phận kỹ thuật căn cứ vào định mức sử dụng vật tư và số lượng sản phẩm sản xuất để tính số lượng vật liệu cần để sản xuất cho đơn hàng.

Biểu 2.1: Định mức vật tư

Định mức vật tư

Mã sản phẩm: Váy tang Hàn Quốc H0102 - GP2

STT	Tên vật liệu	ĐVT	Định mức			Số lượng sản xuất	NVL xuất dùng
			Định mức sử dụng NVL	Tỉ lệ hao hụt	Định mức kể cả hao hụt		
1	Vải 100% polyester	M ²	3,97653	3	4,095826	1.200	4.915
2	Giấy lót, giấy chống ẩm các loại	M ²	0,397764	3	0,409697	1.200	492
3	Nhãn giấy các loại	Chiếc	1	0	1	1.200	1.200
4	Ghim cài nhựa	Chiếc	3	3	3,09	1.200	3.708
5	Dụng/Mex/Phíp	M ²	1	3	1,03	1.200	1.236
						

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Phòng kỹ thuật chuyển dự toán đã được lập cho bộ phận sản xuất. Sau khi xem xét, bộ phận sản xuất lập lệnh sản xuất và lệnh xuất vật tư. Kế toán căn cứ vào số lượng vật liệu trên lệnh xuất để viết phiếu xuất kho và giao cho thủ kho để xuất nguyên vật liệu. Thủ kho ghi số lượng xuất vào cột thực xuất trên thẻ kho rồi ký vào phiếu xuất kho. Cuối tháng kế toán mới tính giá xuất kho cho từng nguyên vật liệu và hạch toán về mặt giá trị trên phiếu xuất kho và các sổ sách có liên quan.

Biểu 2.2: Lệnh sản xuất

Phòng kỹ thuật

LỆNH SẢN XUẤT

Tên sản phẩm: Váy tang Hàn Quốc H0102 - GP2

Đơn vị đặt hàng: MS Trading Company LTD

Bộ phận thực hiện: Phân xưởng sản xuất

STT	Tên sản phẩm	Số lượng	Vật tư		
			Tên vật tư	ĐVT	Số lượng
1	Váy tang Hàn Quốc	1.200	Vải 100% polyester	M ²	4.915
			Dụng/Mex/Phip	M ²	1.236
			Ghim cài nhựa	Chiếc	3.708
			Giấy lót, giấy chống ẩm các loại	M ²	492
			Nhãn giấy các loại	Chiếc	1.200
		

Ngày 1 tháng 3 năm 2013

Phòng kỹ thuật

(kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Ngày 1/3/2013, Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang mua 2.660 m² vải 100% polyester của Công ty TNHH Trang Anh với đơn giá 3.365 đồng/ m² để phục vụ sản xuất sản phẩm váy tang Hàn Quốc. Tổng giá thanh toán là 9.845.990 đồng (VAT 10%), đã trả bằng chuyển khoản theo hóa đơn GTGT số 38441 ở **biểu 2.3**.

Biểu 2.3: Hóa đơn GTGT

	HOÁ ĐƠN GTGT Liên 2: Giao người mua Ngày 1 tháng 03 năm 2013	Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/12P Số: 0038441			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Trang Anh Địa chỉ: Số 56 Ngô Quyền, An Lão, Hải Phòng Mã số thuế: 0100236754 Điện thoại: 031.3879034 Fax: Số tài khoản: Ngân hàng:					
Họ tên người mua hàng: Đỗ Văn Hùng Tên đơn vị: Công ty TNHH Hào Quang Địa chỉ: Xã Chiến Thắng, Huyện An Lão, Hải Phòng. Số tài khoản: Ngân hàng: Hình thức thanh toán: TM Mã số thuế: 0200446698					
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Vải 100% polyester	M ²	2.660	3.365	8.950.900
Cộng tiền hàng:					8.950.900
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 895.090
					Tổng cộng tiền thanh toán: 9.845.990
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu, tám trăm bốn mươi năm nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng./.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Ngày 4/3/2013, nguyên liệu về đến Công ty, kế toán cùng nhân viên mua hàng của phòng sản xuất và thủ kho tiến hành kiểm tra chất lượng và số lượng nguyên liệu (đối chiếu khớp đúng với hóa đơn GTGT) rồi tiến hành lập phiếu nhập kho như **biểu 2.4**.

Biểu 2.4: Phiếu nhập kho nguyên vật liệu

CÔNG TY THHH HÀO QUANG
Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng
Mã số thuế: 0200 446 698

Mẫu số: 01-VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Phiếu nhập kho

Ngày 4 tháng 3 năm 2013

Nợ: 152

Số: PNK12

Có: 1111

Họ tên người giao: Trần Trung Đức

Theo HĐ số 38441 ngày 21 tháng 2 năm 2013

Nhập tại kho: Nguyên vật liệu

STT	Tên vật liệu	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3
1	Vải 100% polyester		M ²	2.660	3.365	8.950.900
	Cộng					8.950.900

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Tám triệu, chín trăm lăm mươi nghìn, chín trăm đồng .

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày .4.. tháng .3.. năm 2013

Người lập Người giao hàng Thủ kho Thủ trưởng đơn vị
(kí, ghi rõ họ tên) (kí, ghi rõ họ tên) (kí, ghi rõ họ tên) (kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Từ phiếu nhập kho, kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết vật liệu như **biểu 2.5**.

Biểu 2.5: Sổ chi tiết vật liệu.

CÔNG TY THHH HÀO QUANG
Thôn Phương Hạ, xã Chiên Thắng
Mã số thuế: 0200 446 698

Mẫu số: S07-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tháng 3 năm 2013

Tài khoản: 152 - Vải 100% polyster

Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐU	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		SDDK							2.258	7.090.120
PN12	4/3	Nhập kho NVL	111	3.365	2.660	8.950.900				
PX17	4/3	Xuất kho cho sản xuất	1541	3.365,57			4.000	13.462.280		
PX18	5/3	Xuất kho cho sản xuất	1541	3.365,57			915	3.079.496		
...
		Cộng tháng	x	x	8.070	27.669.500	4.915	16.541.776		
		SDCK							5.413	18.217.844

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Ngày 4/3/2013, căn cứ vào kế hoạch sản xuất do bộ phận kỹ thuật lập ra, bộ phận sản xuất lập Phiếu yêu cầu vật tư để yêu cầu thủ kho xuất kho nguyên liệu cần thiết cho hoạt động sản xuất như **biểu 2.6** sau.

Biểu 2.6: Phiếu yêu cầu vật tư

CÔNG TY THHH HÀO QUANG

Thôn Phương Hạ, xã Chiên Thắng

PHIẾU YÊU CẦU VẬT TƯ

Đơn vị yêu cầu: phân xưởng sản xuất

Mục đích sử dụng: sản xuất váy tang Hàn Quốc

Mã sản phẩm: H0102-GP2

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		
				Dự toán	Yêu cầu	Duyệt
1	Vải 100% polyester	P24	M ²	4.915	4.915	4.915
2	Dụng/Mex/Phip	P10	M ²	1.236	1.236	1.236
3	Giấy lót, giấy chống ẩm	P13	M ²	492	492	492
4	Nhãn giấy	P03	Chiếc	1.200	1.200	1.200
5	Ghim cài nhựa	P12	Chiếc	3.708	3.708	3.708
...
Tổng cộng: có.10.. loại vật tư yêu cầu						

Ngày 4 tháng 3 năm 2013

Thủ trưởng
(kí, ghi rõ họ tên)

Phòng kế toán
(kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(kí, ghi rõ họ tên)

Người nhận phiếu
(kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Ngày 4/3/2013, căn cứ vào phiếu yêu cầu vật tư của bộ phận sản xuất, kế toán viết phiếu xuất kho:

Biểu 2.7: Phiếu xuất kho

CÔNG TY THHH HÀO QUANG
Thôn Phương Hạ, xã Chiên Thắng
Mã số thuế: 0200 446 698

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Phiếu xuất kho

Ngày 4 tháng 3 năm 2013

Nợ: 1541

Số: P XK17

Có: 152

Họ tên người nhận: Nguyễn Văn Cảnh

Địa chỉ (bộ phận): phân xưởng may

Lí do xuất: Xuất kho nguyên vật liệu phục vụ sản xuất

Xuất tại kho: Kho 1 Địa điểm: Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang

ĐVT: VNĐ

STT	Tên vật liệu	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Vải 100% polyester	P24	M ²	4.915	4.000		
2	Giấy lót, giấy chống ẩm các loại	P13	M ²	492	492		
3	Dụng/Mex/Phip	P10	M ²	1.236	1.000		
4	Nhãn giấy	P03	Chiếc	1.200	1.000		
5	Ghim cài nhựa	P12	Chiếc	3.708	3.000		
	...						
	Cộng						

Ngày .4.. tháng ..3. năm 2013

Người lập phiếu Người nhận Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
(kí, ghi rõ họ tên) (kí, ghi rõ họ tên) (kí, ghi rõ họ tên) (kí, ghi rõ họ tên) (kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Sau đó căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán ghi sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ. (mẫu số chi tiết 152 như **biểu số 2.5** đã nêu ở trên).

Để theo dõi tình hình xuất nguyên vật liệu trong kì, kế toán lập bảng kê xuất kho.

Kế toán xác định đơn giá xuất nguyên vật liệu theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì như sau:

➤ Tính giá xuất kho cho nguyên liệu: Vải 100% polyester tháng 3/2013

Tồn đầu kì: SL: 2.258 mét² Trị giá: 7.090.120 đồng

Nhập trong kì: SL lần 1: 2.660 m² Đơn giá: 3.365 đồng/ m²

SL lần 2: 5.410 m² Đơn giá: 3.460 đồng/ m²

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{7.090.120 + 8.950.900 + 18.718.600}{2.258 + 2.660 + 5.410} = 3.365,57 \text{ đồng/m}^2$$

➤ Tính giá xuất kho cho nguyên liệu: Tấm Mex 44 inch

Tồn đầu kì: SL: 15.763 m² Trị giá: 64.659.826 đồng

Nhập trong kì: Không nhập trong kì

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{64.659.826}{15.763} = 4.102 \text{ đồng/m}^2$$

Căn cứ vào dòng cộng ở bảng kê xuất, kế toán tiến hành ghi sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK1541 vào cuối tháng.

Biểu 2.10: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh - CPNVLT

CÔNG TY THHH HÀO QUANG
Thôn Phương Hạ, xã Chiên Thắng
Mã số thuế: 0200 446 698

Mẫu số: S18-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006
của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH: SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH – CPNVLT

Tài khoản: 1541

Tên sản phẩm: Váy tang Hàn Quốc/H0102-GP2

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra			
SH	NT			Nợ	Có	Vải 100% Polyester	Dụng/Mex/Phíp	Gim cài nhựa	...
		SDĐK		8.372.921					
BKX01	30/3	Xuất vải 100% Polyester cho sản xuất	152	16.541.776		16.541.776			
BKX02	30/3	Xuất tấm Mex 44 inch cho sản xuất	152	5.070.072			5.070.072		
BKX03	30/3	Xuất ghim cài nhựa cho sản xuất	152	292.932				292.932	
	
	30/3	Nhập kho thành phẩm	155		20.740.676				
		Cộng số phát sinh tháng		26.194.873	20.740.676	16.310.870	5.070.072	292.932	...
		SDCK		13.827.118					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Dựa trên bảng kê xuất, kế toán vào sổ Nhật kí chung.

Biểu 2.11: Sổ nhật kí chung

CÔNG TY THHH HÀO QUANG

Thôn Phương Hạ, xã Chiên Thắng

Mã số thuế: 0200 446 698

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH: SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
			...			
30/3	PNK12	4/3	Nhập kho vải 100% polyester	152	8.950.900	
				133	895.090	
				331		9.845.990
30/3	BKX1	30/3	Xuất kho vải 100% polyester cho sản xuất sản phẩm	1541	16.541.776	
				152		16.541.776
30/3	BKX2	30/3	Xuất kho tấm Mex 44 inch cho sản xuất sản phẩm	1541	5.070.072	
				152		5.070.072
					
			Cộng lũy kế ps tháng 3/2013		2.820.344.085	2.820.344.085
			Lủy kế phát sinh từ đầu năm		5.027.722.487	5.027.722.487

Sổ này có 79 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 79.

Ngày mở sổ: 1/1/2013

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Người lập
(kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Từ sổ nhật kí chung, kế toán vào sổ cái TK 1541 – Chi phí NVLTT.

Biểu 2.12: Sổ cái TK 1541.

CÔNG TY THHH HÀO QUANG
Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng
Mã số thuế: 0200 446 698

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH: SỔ CÁI

Tháng 3 năm 2013

TK: 1541 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		SĐĐK		28.372.921	
		...			
BKX1	30/3	Xuất kho vải 100% polyester để sản xuất sản phẩm H0102-GP2	152	16.541.776	
BKX2	30/3	Xuất kho tấm Mex 44 inch để sản xuất sản phẩm H0102-GP2	152	5.070.072	
		...			
BKX11	30/3	Xuất kho vải cotton để sản xuất sản phẩm H0118-K2	152	11.732.447	
		...			
		Cộng số phát sinh		416.829.544	387.560.287
		SĐCK		57.642.178	

Ngày .30.. tháng .3.. năm 2013

Người lập
(kí tên)

Kế toán trưởng
(kí tên)

Giám đốc
(kí tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

2.2.4.2 Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty TNHH Hào Quang

Chi phí nhân công trực tiếp được phản ánh vào TK chi tiết 1542.

Hàng ngày, trưởng các bộ phận chăm công của cán bộ công nhân viên thông qua bảng chăm công. Căn cứ vào bảng chăm công do quản đốc phân xưởng gửi lên vào cuối tháng kế toán sẽ tính ra số tiền lương và các khoản trích theo lương, từ đó tính ra thu nhập thực người lao động được hưởng. Bản thanh toán lương sẽ được kế toán lương lập rồi chuyển cho kế toán trưởng xem xét, ký xác nhận, sau đó Giám đốc ký duyệt rồi chuyển cho thủ quỹ để tiến hành trả lương cho công nhân.

- **Hạch toán các khoản trích theo lương:**

Hiện nay Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang trả lương theo hình thức trả lương theo thời gian.

Dựa vào khối lượng công việc được giao, quản đốc phân xưởng có nhiệm vụ đơn đốc công nhân thực hiện đúng tiến độ sản xuất và yêu cầu kỹ thuật đề ra. Công ty sử dụng bảng chăm công để theo dõi thời gian lao động của công nhân. Cuối tháng, kế toán căn cứ vào bảng chăm công để tính lương cho người lao động. Căn cứ vào bảng tổng hợp tiền lương, kế toán tiến hành lập bảng phân bổ tiền lương và BHXH. Ngoài tiền lương, công nhân viên của công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang còn được hưởng khoản trợ cấp từ BHXH, BHYT.

Quỹ bảo hiểm xã hội là quỹ để trợ cấp cho người lao động có tham gia đóng góp quỹ trong các trường hợp họ bị mất khả năng lao động như tai nạn, mất sức, hưu trí, ốm đau...

$$\text{Quỹ BHXH} = \text{tổng tiền lương thực tế} \times 24\%$$

Trong đó: 17% tính vào cho người sử dụng lao động

7% tính vào cho người trực tiếp lao động

Quỹ BHYT là quỹ trợ cấp cho những người tham gia đóng góp quỹ trong các trường hợp khám chữa bệnh.

$$\text{Quỹ BHYT} = \text{tổng tiền lương thực tế phải trả} \times 4.5\%$$

Trong đó: 3% tính vào cho người sử dụng lao động

1.5% tính vào cho người trực tiếp lao động

Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN): là khoản hỗ trợ tài chính tạm thời dành cho những người bị mất việc mà đáp ứng đủ yêu cầu theo Luật quy định. Đối tượng được nhận bảo hiểm thất nghiệp là những người bị mất việc không do lỗi của cá nhân họ. Người lao động vẫn đang cố gắng tìm kiếm việc làm, sẵn sàng

nhận công việc mới và luôn nỗ lực nhằm chấm dứt tình trạng thất nghiệp. Những người lao động này sẽ được hỗ trợ một khoản tiền theo tỉ lệ nhất định.

$$\text{Bảo hiểm thất nghiệp} = \text{tiền lương thực tế phải trả} \times 2\%$$

Trong đó: 1% tính vào cho người sử dụng lao động

1% tính vào cho người trực tiếp lao động

Ngoài ra để có nguồn kinh phí hoạt động cho công nhân, hàng tháng doanh nghiệp còn phải tính theo tỷ lệ quy định 2% đối với tổng số tiền lương thực tế phát sinh, tính vào chi phí kinh doanh để hình thành kinh phí công đoàn.

$$\text{Kinh phí công đoàn} = \text{tiền lương thực tế phải trả} \times 2\%$$

Dựa vào khối lượng công việc được giao, quản đốc phân xưởng có nhiệm vụ đơn đốc công nhân thực hiện đúng tiến độ sản xuất và yêu cầu kỹ thuật đề ra. Công ty sử dụng bảng chấm công để theo dõi thời gian lao động của công nhân. Cuối tháng, kế toán căn cứ vào bảng chấm công để tính lương cho người lao động.

– Phương pháp tính lương và lập bảng lương:

Hiện nay, Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang trả lương theo hình thức: lương thời gian – căn cứ vào thời gian làm việc thực tế để trả lương cho công nhân. Tuy nhiên, đơn giá cho 1 ngày công ở các tổ sản xuất là khác nhau. Tiền lương được xác định như sau:

$$\text{Lương theo thời gian} = \text{Đơn giá} \times \text{Ngày công thực tế}$$

Ví dụ: Tháng 3/2013, ở bộ phận may, công ty quy định đơn giá cho 1 ngày công là 150.000 đồng. Dựa vào bảng chấm công, công nhân Đinh Văn Mạnh có số ngày công là 25 ngày. Vậy lương của công nhân Đinh Văn Mạnh là:

$$25 \times 150.000 = 3.750.000 \text{ đồng}$$

Các khoản trích theo lương tính vào lương của công nhân Mạnh gồm có các khoản trích sau:

$$+ \text{ BHXH: } 2.514.500 \times 7\% = 176.015 \text{ đồng}$$

$$+ \text{ BHYT: } 2.514.500 \times 1.5\% = 37.718 \text{ đồng}$$

$$+ \text{ BHTN: } 2.514.500 \times 1\% = 25.145 \text{ đồng}$$

Vậy tiền lương thực lĩnh của anh Mạnh trong tháng 3 là:

$$3.750.000 - (176.015 + 37.718 + 25.145) = 3.511.122 \text{ đồng.}$$

Biểu 2.13: Bảng chấm công.

CÔNG TY THHH HÀO QUANG

Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng

Mã số thuế: 0200 446 698

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 3 năm 2013

Bộ phận: may

STT	Họ và tên	Ngày trong tháng										Số công
		1	2	3	4	5	...	28	29	30	31	
1	Lê Thị Diệu	x	x		x	x	...	x	x	x		26
2	Đoàn Văn Quyết	x	x		x	x	...	x	x	x		26
3	Nguyễn Lan Chi	x	x		x	x	...	x	x	x		25
4	Trần Hùng	x	x		x	x	...	x	x	x		26
5	Lê Văn Lâm	x			x	x	...	x	x			22
6	Đình Văn Mạnh	x	x		x	x	...	x	x	x		25
7	Phạm Văn Tĩnh	x	x		x	x	...		x			26
8	Nguyễn Văn Phong	x			x	x	...	x	x	x		25
9	Trần Ngọc Hà	x	x		x	x	...		x	x		26
10	Phạm Thùy Linh	x	x		x	x	...		x			26
....
30	Nguyễn Trung Đức	x	x		x	x	...	x	x	x		26

Ngày .30.. tháng .3.. năm 2013

Người chấm công

(kí, ghi rõ họ tên)

Người duyệt

(kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Căn cứ vào bảng chấm công, kế toán lập Bảng thanh toán lương và các khoản trích theo lương cho công nhân viên của công ty.

Biểu 2.14: Bảng thanh toán lương

CÔNG TY THHH HÀO QUANG
 Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng
 Mã số thuế: 0200 446 698

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG
 Tháng 3 năm 2013
 Tổ may

STT	Họ tên	Chức danh	Lương thời gian			Lương đóng bảo hiểm	Các khoản trừ vào lương (9,5%)	Thực lĩnh
			Số công	Đơn giá	Số tiền			
1	Lê Thị Diệu	Tổ trưởng	26	150.000	3.900.000	2.514.500	238.878	3.661.122
2	Trần Hùng	Quản đốc	26	150.000	3.900.000	2.514.500	238.878	3.661.122
3	Lê Văn Lâm	Công nhân	22	150.000	3.300.000	2.514.500	238.878	3.061.122
4	Đình Văn Mạnh	Công nhân	25	150.000	3.750.000	2.514.500	238.878	3.511.122
5	Trần Ngọc Hà	Công nhân	26	150.000	3.900.000	2.514.500	238.878	3.661.122
...								
Cộng					112.050.000	75.435.000	7.166.325	104.883.675

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Người lập
 (Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Từ bảng tính lương của các bộ phận, kế toán lập bảng trích các khoản theo lương tháng 3/2013 cho tổ may như **biểu 2.15**.

Biểu 2.15: Bảng trích các khoản theo lương.

CÔNG TY THHH HÀO QUANG
Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng

BẢNG TRÍCH CÁC KHOẢN THEO LƯƠNG
Tháng 3 năm 2013
Tổ may

STT	Họ tên	Lương đóng bảo hiểm	Các khoản trừ vào lương (9,5%)				Các khoản trích tính vào chi phí (23%)					Cộng 32,5%
			BHXH (7%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng (9,5%)	BHXH (17%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	KPCĐ (2%)	Cộng (23%)	
1	Lê Thị Diệu	2.514.500	176.015	37.718	25.145	238.878	427.465	75.435	25.145	50.290	578.335	817.213
2	Trần Hùng	2.514.500	176.015	37.718	25.145	238.878	427.465	75.435	25.145	50.290	578.335	817.213
3	Lê Văn Lâm	2.514.500	176.015	37.718	25.145	238.878	427.465	75.435	25.145	50.290	578.335	817.213
4	Đình Văn Mạnh	2.514.500	176.015	37.718	25.145	238.878	427.465	75.435	25.145	50.290	578.335	817.213
5	Trần Ngọc Hà	2.514.500	176.015	37.718	25.145	238.878	427.465	75.435	25.145	50.290	578.335	817.213
...
Cộng		75.435.000	5.280.450	1.131.525	754.350	7.166.325	12.823.440	2.262.960	754.320	1.508.640	17.349.360	24.516.375

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Ngày 30 tháng 3 năm 2013
Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Căn cứ vào bảng thanh toán lương (**biểu số 2.14**) và bảng trích các khoản theo lương (**biểu số 2.15**), kế toán lập bảng tổng hợp lương và trích theo lương cho các bộ phận như **biểu số 2.16**.

Biểu 2.16: Bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương.

CÔNG TY THHH HÀO QUANG

Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng

BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Tháng 3 năm 2013

ST T	Bộ phận	Lương thực tế phải trả	Lương đóng bảo hiểm	Các khoản trừ vào lương (9,5%)				Các khoản trích tính vào chi phí (23%)					Thực lĩnh
				BHXH (7%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng (9,5%)	BHXH (17%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	KPCĐ (2%)	Cộng (23%)	
1	Tổ may	112.050.000	75.435.000	5.280.450	1.131.525	754.350	7.166.325	12.823.440	2.262.960	754.320	1.508.640	17.349.360	104.883.675
2	Tổ cắt	98.300.000	75.435.000	5.280.450	1.131.525	754.350	7.166.325	12.823.440	2.262.960	754.320	1.508.640	17.349.360	91.133.675
3	Tổ đóng gói	63.750.000	50.290.000	3.520.300	754.350	502.900	4.777.550	8.549.300	1.508.700	502.900	1.005.800	11.566.700	58.972.450
I	Cộng PXSX	274.100.000	201.160.000	14.081.200	3.017.400	2.011.600	19.110.200	34.196.180	6.034.620	2.011.540	4.023.080	46.266.800	254.989.800
II	QLKD	148.200.000	95.551.000	6.688.570	1.433.265	955.510	9.077.345	16.243.670	2.866.530	955.510	1.911.020	21.976.730	139.122.655
	Cộng	422.300.000	296.711.000	20.769.770	4.450.665	2.967.110	28.187.545	50.440.870	8.901.330	2.967.110	5.934.220	68.243.530	394.112.455

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Căn cứ vào bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương (**biểu số 2.16**), kế toán lập bảng phân bổ tiền lương (**biểu số 2.17**).

Biểu 2.17: Bảng phân bổ tiền lương.

CÔNG TY THHH HÀO QUANG

Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng

BẢNG PHÂN BỔ TIỀN LƯƠNG

Tháng 3 năm 2013

STT	Ghi Có TK Đối tượng sử dụng	Có TK334	Ghi có TK338								
			Các khoản trừ vào lương (9,5%)				Các khoản trích tính vào chi phí (23%)				
			BHXH (7%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng (9,5%)	BHXH (17%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	KPCĐ (2%)	Cộng (23%)
1	TK 1542	274.100.000					34.196.180	6.034.620	2.011.540	4.023.080	46.266.800
2	TK 642	148.200.000					16.243.670	2.866.530	955.510	1.911.020	21.976.730
3	TK 334		20.769.770	4.450.665	2.967.110	28.187.545					
Cộng		422.300.000				28.187.545					68.243.530

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Từ bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương (**biểu 2.17**), kế toán ghi vào sổ Nhật kí chung như **biểu 2.18**.

Biểu 2.18: Sổ nhật kí chung.

CÔNG TY THHH HÀO QUANG
Thôn Phương Hạ, xã Chiên Thắng
Mã số thuế: 0200 446 698

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH: SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
			...			
30/3	BPBTL	30/3	Trả lương công nhân viên	1542	274.100.000	
				642	148.200.000	
				334		422.300.000
30/3	BPBTL	30/3	Các khoản trích tính vào chi phí	1542	46.266.800	
				642	21.976.730	
				338		68.243.530
30/3	BPBTL	30/3	Các khoản trích trừ vào lương	334	28.187.545	
				338		28.187.545
					
			Cộng lũy kế ps tháng 3/2013		2.820.344.085	2.820.344.085
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm		5.027.722.487	5.027.722.487

Sổ này có 79 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 79.

Ngày mở sổ: 1/1/2013

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Người lập
(kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Từ sổ nhật kí chung, kế toán vào sổ cái TK1542- Chi phí nhân công trực tiếp.

Biểu 2.19: Sổ cái TK 1542.

CÔNG TY THHH HÀO QUANG
Thôn Phương Hạ, xã Chiên Thắng
Mã số thuế: 0200 446 698

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH: SỔ CÁI

Tháng 3 năm 2013

TK: 1542 – Chi phí nhân công trực tiếp

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		SDDK			
BPBTL	30/3	Trả lương công nhân trực tiếp sản xuất	334	274.100.000	
BPBTL	30/3	Trích lương công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm	338	46.266.800	
		Cộng số phát sinh		320.366.800	320.366.800
		SDCK			

Ngày .30.. tháng .3.. năm 2013

Người lập
(kí tên)

Kế toán trưởng
(kí tên)

Giám đốc
(kí tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

2.2.4.3 Hạch toán chi phí sản xuất chung tại công ty TNHH Hào Quang

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí cần thiết khác phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm phát sinh ở các phân xưởng sản xuất. Chi phí SXC tại công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang gồm: chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu dùng cho phân xưởng, văn phòng, chi phí dụng cụ sản xuất, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho phân xưởng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền.

_ **Tài khoản sử dụng:** TK 1543 “ Chi phí sản xuất chung”

_ **Hệ thống chứng từ, sổ sách sử dụng:** Phiếu xuất kho, phiếu chi, bảng lương công nhân viên, Sổ cái TK 154.

_ **Nội dung hạch toán chi phí sản xuất chung**

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: TSCĐ là những tư liệu lao động có giá trị trên 10 triệu đồng, thời gian sử dụng trên 1 năm. Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, TSCĐ bị hao mòn dần và giá trị của nó được chuyển dịch từng phần vào chi phí dưới hình thức khấu hao. Để phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ trong quá trình sử dụng, kế toán sử dụng TK 214.

TSCĐ của công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang chủ yếu là các TSCĐ hữu hình: nhà kho nhà xưởng, máy may, máy ráp, máy dập, xe ô tô, máy tính, máy in, nhà văn phòng,...

Công ty hiện đang tính khấu hao cho TSCĐ theo phương pháp trực tiếp. Hàng tháng, kế toán TSCĐ tiến hành trích khấu hao TSCĐ và phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí.

Để hạch toán chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý phân xưởng, kế toán sử dụng TK 1543 và TK 214. Việc theo dõi tổng hợp tình hình trích khấu hao TSCĐ toàn Công ty được thể hiện ở bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ như **biểu 2.20**.

Biểu 2.20: Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.

CÔNG TY THHH HÀO QUANG
 Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng
 Mã số thuế: 0200 446 698

BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 3 năm 2013

STT	Chỉ tiêu	Thời gian sử dụng	Nơi sử dụng		TK154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	TK 642 - Chi phí quản lý	TK 632 – Giá vốn hàng bán
			Nguyên giá	Số KH			
A	B	1	2	3	4	5	6
1	I-Số KH trích tháng trước		14.737.809.910	65.936.580	59.013.227	6.923.353	
2	II-Số KH TSCĐ tăng trong tháng		-	-		-	
3	III-Số KH TSCĐ giảm trong tháng		-	-		-	
4	IV-Số KH trích tháng này		14.737.809.910	65.936.580	59.013.227	6.923.353	

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu
 (kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

+ Chi phí dụng cụ sản xuất: Chi phí dụng cụ xuất dùng trong tháng 3/2013 được thể hiện trên bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn (TK242) như **biểu 2.21**.

Biểu 2.21: Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn.

CÔNG TY THHH HÀO QUANG

Thôn Phương Hạ, xã Chiên Thắng

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Tài khoản: 242

Tháng 3 năm 2013

STT	Tên vật tư	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian phân bổ	Giá trị còn lại kì trước	Số tiền phân bổ kì này	Đối tượng phân bổ		GTCL
									1543	642	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Bàn may	BPSX	60	650.350	39.021.000	24	26.014.000	1.625.875	1.625.875		34.388.125
2	Bàn cắt	BPSX	8	1.768.500	14.148.000	24	4.716.000	589.500	589.500		4.126.500
3	Kéo	BPSX	25	62.400	1.560.000	6	1.040.000	260.000	260.000		780.000
4	Xe đẩy	BPSX	10	759.350	7.593.500	24	2.531.167	316.396	316.396		2.214.771
...
	Cộng						63.628.500	9.380.210	7.800.630	1.579.580	54.248.290

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu
(kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: là chi phí về tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại, phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm ở phân xưởng.

Biểu 2.22: Hóa đơn GTGT tiền điện

HÓA ĐƠN GTGT TIỀN ĐIỆN				Mẫu số: 01GTKT3/001		
(Liên2: Giao cho khách hàng)				Kí hiệu: UB/11L		
Kì: 1. Từ ngày 28/2 đến ngày 27/3/2013				Số hóa đơn: 0132104		
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng						
Điện lực: An Lão			MST: 0200340211 - 003			
Địa chỉ: 72 Ngô Quyền, thị trấn An Lão, thành phố Hải Phòng						
Điện thoại: 0313. 3879064						
Tên: Công ty TNHH Hào Quang						
Địa chỉ khách hàng : Thôn Phương Hạ - Xã Chiến Thắng - Huyện An Lão						
MSTKH: 0200446698		MKH: 981261317		Số công tơ:01038510		
Bộ CS	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện năng TT	Đơn giá	Thành tiền
BT	31.268	28.801	1	2.467	1.406	3.468.602
KT	8.415	6.901		1.514	1.945	2.944.730
TD	3.296	2.625		671	2.415	1.620.465
Ngày 28 tháng 3 năm 2014						
Bên bán điện						
Cộng						8.033.797
Thuế suất GTGT: 10%						803.379
Tổng cộng						8.837.176
Số tiền viết bằng chữ: Tám triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi sáu đồng.						

Căn cứ vào các hóa đơn, bảng phân bổ khấu hao, bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn,... kế toán vào sổ nhật kí chung như **biểu 2.23**.

Biểu 2.23: Sổ nhật kí chung.

CÔNG TY THHH HÀO QUANG
Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng
Mã số thuế: 0200 446 698

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH: SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
			...			
30/3	BPBKH	30/3	Khấu hao TSCĐ phục vụ sản xuất sản phẩm	1543	59.013.227	
				642	6.923.353	
				214		65.936.580
30/3	BPBCP	30/3	Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1543	7.800.630	
				642	1.579.580	
				242		9.380.210
30/3	HD 0132104	30/3	Thanh toán tiền điện phục vụ sản xuất sản phẩm	1543	8.033.797	
				133	803.379	
				111		8.837.176
					
			Cộng lũy kế ps tháng 3/2013		2.820.344.085	2.820.344.085
			Lύy kế phát sinh từ đầu năm		5.027.722.487	5.027.722.487

Sổ này có 79 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 79.

Ngày mở sổ: 1/1/2013

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Người lập
(kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Từ sổ nhật kí chung, kế toán vào sổ cái TK1543 – Chi phí sản xuất chung.

Biểu 2.24: Sổ cái TK 1543.

CÔNG TY THHH HÀO QUANG
 Thôn Phương Hạ, xã Chiên Thắng
 Mã số thuế: 0200 446 698

Mẫu số: S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH: SỔ CÁI

Tháng 3 năm 2013

TK: 1543 – Chi phí sản xuất chung

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
B	C	D	E	1	2
		SDĐK			
BPB KH	30/3	Trích khấu hao TSCĐ phục vụ sản xuất	214	59.013.227	
BPB CP	30/3	Phân bổ CP trả trước dài hạn cho sản xuất	242	7.800.630	
HĐ 0352104	30/3	Trả tiền điện sản xuất	111	8.033.797	
		...			
		Cộng số phát sinh		106.729.351	106.729.351
		SDCK			

Ngày .30.. tháng .3.. năm 2013

Người lập
(kí tên)

Kế toán trưởng
(kí tên)

Giám đốc
(kí tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

2.2.4.4 Hạch toán thiệt hại trong sản xuất tại Công ty TNHH Hào Quang

Khi phát sinh khoản chi phí thiệt hại trong sản xuất tại công ty, kế toán hạch toán hết vào chi phí sản xuất chung (TK 1543).

Quá trình sản xuất sản phẩm thực hiện trên quy trình công nghệ hiện đại với máy móc hiện đại và công nhân có tay nghề cao nên hầu như không phát sinh thiệt hại. Những sản phẩm chưa đạt yêu cầu chất lượng sẽ được đưa trở lại để tái sản xuất.

2.2.4.5 Đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm

❖ **Đánh giá sản phẩm dở dang:**

Chi phí DDCK tại công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang được đánh giá theo CPNVLTT và được tính theo công thức sau:

$$D_{ck} = \frac{D_{dk} + C_{tk}}{Q_{ht} + Q_{dd}} \times Q_{dd}$$

Trong đó:

- D_{ck} , D_{dk} là chi phí sản xuất sản phẩm dở dang cuối kì, đầu kì.
- C_{tk} là chi phí nguyên vật liệu chính hoặc chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp trong kì.
- Q_{ht} , Q_{dd} là số lượng sản phẩm hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang cuối kì.

Do đặc thù của ngành sản xuất hàng may mặc là sản xuất hàng loạt theo quy trình kỹ thuật. Do đó, khi sản phẩm chưa được hoàn thành thì toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh chính là chi phí dở dang cuối kì.

❖ **Tính giá thành sản phẩm**

Cuối tháng, ta tiến hành tính giá thành sản phẩm nhập kho.

Trong tháng 3/2013, Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang tiến hành sản xuất 1.200 bộ áo váy tang Hàn Quốc H0102-GP2. Trong đó đã nhập kho thành phẩm 720 bộ, còn dở dang 480 bộ. Như vậy chi phí dở dang cuối kì là:

$$D_{ck} = \frac{8.372.921 + 26.194.873}{720 + 480} \times 480 = 13.827.118$$

Để tính giá thành sản phẩm, kế toán tiến hành tập hợp CPNVLTT, CPNCTT và CPSXC. Trong đó, CPNCTT và CPSXC được phân bổ theo CPNVLTT.

Biểu 2.25: Bảng phân bổ chi phí sản xuất.

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ SẢN XUẤT

Tên sản phẩm	CPNVLTT	CPNCTT	CPSXC
H0102-GP2	26.194.873	20.132.852	6.707.206
H0118-K2	45.243.000	34.772.859	11.584.486
...
Cộng	416.829.544	320.366.800	106.729.351

Từ kết quả sản xuất, bảng phân bổ chi phí sản xuất và giá trị sản phẩm dở dang, ta lập thẻ tính giá thành như **biểu 2.26**.

Biểu 2.26: Thẻ tính giá thành.

CÔNG TY THHH HÀO QUANG

Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng

Mã số thuế: 0200 446 698

THẺ TÍNH GIÁ THÀNH

Sản phẩm: bộ áo váy tang Hàn Quốc/H0102-GP2

Tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Bộ

Khoản mục chi phí	Giá trị sản phẩm DDĐK	CPSX phát sinh trong kì	Giá trị sản phẩm DDCK	Tổng giá thành	Giá thành đơn vị
1.CPNVLTT	8.372.921	26.194.873	13.827.118	20.740.676	18.787
2.CPNCTT	-	20.132.852	-	20.132.852	18.237
3.CPSXC	-	6.707.206	-	6.707.206	6.076
Tổng cộng	8.372.921	53.034.931	13.827.118	47.580.734	43.100

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Cuối tháng căn cứ vào các phiếu nhập kho thành phẩm, ta lập bảng kê phiếu nhập kho thành phẩm.

Biểu 2.27: Bảng kê phiếu nhập kho.

CÔNG TY THHH HÀO QUANG

Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng

BẢNG KÊ PHIẾU NHẬP KHO THÀNH PHẨM

Tên sản phẩm: bộ áo váy tang Hàn Quốc H0102-GP2

Tháng 3 năm 2013

Số: BKN 07

Số phiếu nhập (PN)	Ngày nhập	Diễn giải	Số lượng (bộ)	Đơn giá	Thành tiền			
					NVLTT	NCTT	SXC	Cộng
PN1/T3	11/3	Nhập kho thành phẩm	384	43.100	7.214.208	7.003.008	2.333.184	16.550.400
PN7/T3	29/3	Nhập kho thành phẩm	720	43.100	13.526.468	13.129.844	4.374.022	31.030.334
		Cộng			20.740.676	20.132.852	6.707.206	47.580.734

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

Căn cứ vào dòng cộng ở bảng kê phiếu nhập kho, kế toán ghi 1 lần vào sổ nhật kí chung như **biểu 2.28**.

Biểu 2.28: Sổ nhật kí chung.

CÔNG TY THHH HÀO QUANG
Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng
Mã số thuế: 0200 446 698

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH: SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
...
30/3	BPBCP	30/3	Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1543	7.800.630	
				642	1.579.580	
				242		9.380.210
30/3	HĐ 0352104	30/3	Thanh toán tiền điện phục vụ sản xuất sản phẩm	1543	8.033.797	
				133	803.379	
				111		8.837.176
30/3	BKN 07	30/3	Nhập kho thành phẩm H0102-GP2	155	47.580.734	
				1541		20.740.676
				1542		20.132.852
				1543		6.707.206
...
			Cộng lũy kế ps tháng 3/2013		2.820.344.085	2.820.344.085
			Lý kế phát sinh từ đầu năm		5.027.722.487	5.027.722.487

Sổ này có 79 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 79.

Ngày mở sổ: 1/1/2013

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Người lập
(kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH HÀO QUANG****3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty TNHH Hào Quang.**

Với bề dày 13 năm hoạt động và phát triển, từ ngày mới thành lập cho tới nay, Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang đã khẳng định được vị trí của mình với khách hàng bằng những sản phẩm chất lượng cao, giá cả hợp lí, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng. Trải qua không ít những thách thức, đặc biệt là giai đoạn kinh tế trầm lắng trong những năm gần đây, nhờ có tầm nhìn nhạy bén và quan hệ khách hàng tốt, ban lãnh đạo đã đưa công ty vượt qua những khó khăn đó để có được thành quả như ngày hôm nay.

Để đạt được kết quả trên, phải kể đến sự đóng góp không nhỏ của phòng kế toán trong công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Đội ngũ kế toán chi phí – giá thành đã cung cấp thông tin chính xác và kịp thời cho các nhà lãnh đạo công ty, từ đó đưa ra các biện pháp phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí và nâng cao lợi nhuận.

3.1.1. Ưu điểm

Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang có chu kỳ sản xuất kinh doanh liên tục, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều. Công tác kế toán nói chung cũng như công tác tập hợp chi phí sản xuất nói riêng được ban giám đốc quan tâm, tạo điều kiện tối đa. Trong công tác quản lý việc hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm, doanh nghiệp đã đạt được những thành tựu sau:

-Về việc tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán tại công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, toàn bộ công tác kế toán đều tập trung tại phòng kế toán. Các hóa đơn chứng từ sau khi được các phòng ban thu thập và xử lý được gửi về phòng kế toán. Kế toán viên kiểm tra lại tính chính xác, hợp lệ của chứng từ để thực hiện việc hạch toán chi phí phát sinh và ghi sổ kế toán. Mô hình này đảm bảo tập trung và thống nhất công tác kế toán, dễ phân công xử lý công việc, cung cấp kịp thời và nhanh chóng các thông tin phục vụ việc quản lý cho lãnh đạo công ty.

Nhân viên tại phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn cao, ham học hỏi và tận tâm trong công việc, luôn theo dõi và bắt nhịp kịp thời với các thông tư,

chế độ kế toán mới mà Bộ tài chính ban hành. Thêm vào đó, công việc của mỗi kế toán viên đều được phân nhiệm rõ ràng, tạo ra sự ăn khớp nhịp nhàng giữa các phần hành kế toán, đảm bảo công việc luôn được hoàn thành đúng tiến độ yêu cầu.

-Về việc tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán:

Việc sử dụng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại Công ty thực hiện đúng theo quy định của Bộ Tài chính ban hành (Quyết định 48/2006 QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006). Công ty sử dụng hệ thống tài khoản chuẩn do Bộ tài chính ban hành và bổ sung thêm một số tài khoản chi tiết để phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp.

-Về hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật kí chung. Đây là hình thức đơn giản, dễ vận dụng, phù hợp với trình độ và năng lực quản lí của công ty.

-Về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Dựa vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ và trình độ quản lí của doanh nghiệp, Công ty xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là sản phẩm cuối cùng của quá trình sản xuất. Việc xác định đúng đối tượng giúp kế toán tính giá thành chính xác, từ đó có những điều chỉnh hợp lí để hạ giá thành sản phẩm.

Hiện công ty đang tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn, kỳ tính giá thành là tháng giúp cho việc phân tích giá thành nhanh chóng tìm ra những nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch giá thành giữa các tháng, từ đó giúp cho lãnh đạo công ty nắm bắt được chính xác tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra những quyết định phát triển hợp lí.

3.1.2. Một số hạn chế trong công tác kế toán tại công ty TNHH Hào Quang

Bên cạnh những ưu điểm, công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty còn một số tồn tại sau:

Thứ nhất: Về kiểm soát thiệt hại trong sản xuất

Trong quá trình sản xuất, đôi khi chất lượng vật tư không đạt tiêu chuẩn, do sai sót của máy móc - dây chuyền sản xuất, do sơ suất của công nhân... có thể gây ra những thiệt hại như rách nhãn, rách bao, sút chỉ,...Số liệu kế toán tập hợp được từ những thống kê về số lượng vật liệu thiệt hại trong kì do bộ phận thống kê của phân xưởng sản xuất cung cấp. Thực tế

những chi phí thiệt hại này được Công ty tập hợp vào CPSXKD và được tính vào giá thành của thành phẩm nhập kho, như vậy chưa khuyến khích được công nhân sử dụng tiết kiệm vật tư và hiệu quả trong quá trình sản xuất.

Thứ hai: Việc sử dụng phương pháp tính giá xuất kho nguyên vật liệu

Hiện nay, công ty đang tính giá xuất kho nguyên vật liệu theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Mặc dù, phương pháp này đơn giản, dễ sử dụng, phù hợp với mọi loại hình công ty, tiết kiệm thời gian và dễ sử dụng. Song, trong quá trình áp dụng phương pháp này, kế toán thường phải sử dụng nhiều sổ sách kèm theo để theo dõi tình hình nguyên vật liệu, khiến cho áp lực công việc tăng cao, từ đó có thể dẫn đến những sai sót, nhầm lẫn không đáng có. Đồng thời, nếu theo dõi vậy vẫn khó tránh khỏi những bất ổn trong công tác quản lí, gây thất thu một lượng lớn nguyên vật liệu.

Thứ ba: Về việc áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán

Đối với các doanh nghiệp sản xuất có khối lượng công việc lớn, nguyên liệu sản xuất nhiều,... việc áp dụng hình thức kế toán thủ công gây khó khăn cho kế toán trong việc hạch toán, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Bộ phận kế toán của Công ty tuy đã được trang bị hệ thống máy tính hiện đại nhưng chủ yếu chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel để tính lương trong bảng thanh toán lương cho công nhân viên, khấu hao TSCĐ hàng tháng,... Công việc kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dồn hết vào cuối tháng khiến công việc chông chênh, làm ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay, nền kinh tế nước ta với chính sách mở cửa đã thu hút được các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, tạo ra động lực thúc đẩy sự tăng trưởng không ngừng của nền kinh tế. Để cạnh tranh được trên thị trường, các doanh nghiệp phải không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành sản phẩm. Do đó việc nghiên cứu tìm tòi và tổ chức hạ giá thành sản phẩm là rất quan trọng đối với các doanh nghiệp sản xuất.

Để đạt được mục tiêu đó, doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất phát sinh, đồng thời tìm ra cách tốt nhất để giảm bớt các chi phí không cần thiết. Một trong những công cụ hữu hiệu để quản lý chi phí, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm đó là kế toán, mà trong đó kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm luôn được xác định là khâu quan trọng nhất của toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp sản xuất. Vì vậy, việc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hoàn thiện công tác kế toán trong doanh nghiệp.

Cũng giống như các doanh nghiệp khác, Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang đã và đang không ngừng đổi mới để hoàn thiện và đứng vững trên thị trường. Do đó công tác kế toán nói chung, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng ngày càng được coi trọng.

Trong khoảng thời gian thực tập tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang, xuất phát từ những lý do trên, em nhận thấy đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang” là đề tài có tính thời sự và cần thiết đối với tình hình phát triển chiến lược của Công ty.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hào Quang

Việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng cần phải dựa trên các cơ sở sau:

-Đảm bảo được sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp lại có những đặc điểm riêng, do đó việc vận dụng chế độ kế toán một

cách linh hoạt, hợp lí trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, tích chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lí hoạt động sản xuất nói chung và công tác kế toán nói riêng.

- Đảm bảo sự tuân thủ thống nhất, chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán của Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù của ngành sản xuất kinh doanh.

-Đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Để làm được điều đó, doanh nghiệp phải tổ chức công tác kế toán một cách khoa học, hợp lí và tiết kiệm, song vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất.

-Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lí vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định phát triển đúng đắn.

3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hào Quang

3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc thay đổi phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho tại Công ty TNHH Hào Quang

Hiện nay, Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang đang áp dụng phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ. Phương pháp này đơn giản, dễ thực hiện nhưng khiến cho khối lượng công việc bị dồn vào ngày cuối tháng, ảnh hưởng đến thời gian làm việc của kế toán. Đồng thời, phương pháp này cũng chưa đáp ứng được yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán. Do vậy, Công ty có thể áp dụng tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo cách khác như phương pháp bình quân liên hoàn (bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập). Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hoá, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Công thức tính như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân liên hoàn sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá tồn sau lần nhập } i}{\text{Số lượng tồn sau lần nhập } i}$$

$$\text{Trị giá xuất} = \text{Số lượng xuất} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền sau lần nhập } i$$

Kế toán sử dụng phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên nên việc xác định hàng tồn kho khá đơn giản, vì vậy, áp dụng phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn là thích hợp. Hơn nữa, phương pháp này phản ánh tình hình biến động của hàng tồn kho thường xuyên, giúp kế toán theo dõi vật tư hàng ngày, kịp thời có kế hoạch thu mua, dự trữ nguyên liệu cho sản xuất. Đơn giá xuất kho được tính toán chuẩn xác sau mỗi lần nhập kho, giúp hạch toán chi phí nguyên vật liệu dễ dàng hơn. Tuy nhiên, khi doanh nghiệp chuyển sang áp dụng phần mềm máy vi tính sẽ giúp đơn giản hóa việc tính toán đồng thời đảm bảo yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán.

3.4.2. Kiến nghị 2: Về vấn đề tiền lương và các khoản phụ cấp

Số tiền lương công nhân viên được nhận theo hợp đồng lao động là 150.000 đồng/ngày. Số tiền này chỉ bao gồm tiền ăn ca, ngoài ra không có bất kỳ phụ cấp nào khác. Vì vậy, công ty nên có thêm các khoản phụ cấp khác như tiền làm thêm giờ, tiền phụ cấp trách nhiệm để khuyến khích người lao động tích cực và có trách nhiệm hơn trong công việc.

3.4.3. Kiến nghị 3: Về khoản chi phí thiệt hại trong sản xuất

Công ty nên tiến hành hạch toán các khoản chi phí thiệt hại căn cứ vào từng nguyên nhân cụ thể. Như vậy mới hạn chế, khắc phục, kiểm soát và quản lý được các khoản thiệt hại và đảm bảo độ chính xác của giá thành sản phẩm.

❖ Thiệt hại về sản phẩm hỏng:

Sản phẩm hỏng là những sản phẩm không đảm bảo các tiêu chuẩn về chất lượng và đặc điểm kỹ thuật... Thiệt hại về sản phẩm hỏng của công ty bao gồm: thiệt hại về sửa chữa sản phẩm hỏng và thiệt hại phá đi làm lại. Trong đó thiệt hại về sản phẩm hỏng nếu có chủ yếu là thiệt hại về sửa chữa sản phẩm hỏng. Hiện nay Công ty hạch toán phần thiệt hại này vào chi phí sản xuất chung làm tăng giá thành sản phẩm. Vì vậy trước khi hạch toán khoản thiệt hại này Công ty nên tìm hiểu nguyên nhân của sản phẩm hỏng để có biện pháp xử lý:

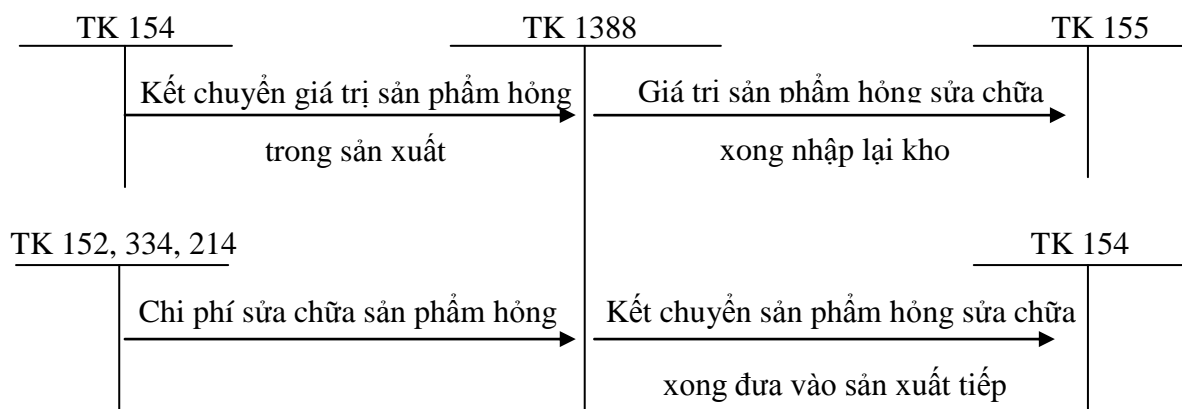
- + Nếu lỗi bên cung cấp nguyên liệu gây ra thì họ phải bồi thường thiệt hại.
- + Nếu sản phẩm hỏng là do người lao động thì người phải chịu trách nhiệm bồi thường, đồng thời phân xưởng sản xuất phải theo dõi khoản thu hồi.
- + Nếu sản phẩm hỏng do lỗi kỹ thuật thì phải xử lý ngay để không làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và chất lượng sản phẩm.
- + Nếu do sự kiện khách quan: thiên tai, hoả hoạn... phải theo dõi chờ xử lý và sau đó căn cứ vào quyết định xử lý để tính vào chi phí bất thường...

-Tuỳ theo mức độ mà sản phẩm hỏng được chia làm hai loại:

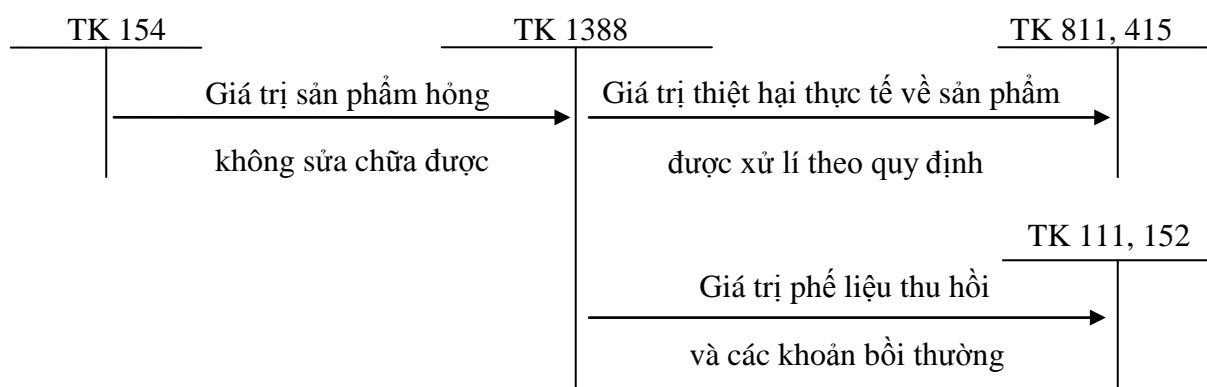
Sản phẩm hỏng không sửa chữa được: là những sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật không cho phép sửa chữa hoặc việc sửa chữa không có lợi về mặt kinh tế.

Sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được: là những sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật cho phép sửa chữa và việc sửa chữa có lợi về mặt kinh tế.

Sơ đồ 3.1: Hạch toán sản phẩm hỏng sửa chữa được



Sơ đồ 3.2 Sơ đồ hạch toán sản phẩm hỏng không sửa chữa được



3.4.4. Kiến nghị 4: Về việc áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính tại Công ty TNHH Hào Quang

Để giúp cho bộ phận kế toán của công ty giảm tải khối lượng công việc và có thể tập hợp chi phí sản xuất đầy đủ, tính giá thành chính xác thì Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán nhằm chuyên môn hóa hoạt động kế toán. Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán phù hợp với hoạt động kế toán của doanh nghiệp. Một số phần mềm kế toán hiện nay mà các doanh nghiệp sản thường sử dụng là:

- + Phần mềm kế toán MISA của Công ty cổ phần MISA
- + Phần mềm kế toán FAST của Công ty CP Phần mềm FAST
- + Phần mềm kế toán SASINNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam
- + Phần mềm kế toán EFFECT của Công ty EFFECT

Việc áp dụng phần mềm kế toán giúp cải thiện năng suất làm việc của doanh nghiệp, giảm chi phí và tăng tốc độ phát triển. Phần mềm kế toán còn tối ưu hoá quy trình kinh doanh tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lí các giao dịch khác nhau được thực hiện dễ dàng... Qua đó, ban lãnh đạo nắm bắt được những điểm mấu chốt về thực trạng của công ty, kiểm soát vấn đề linh hoạt và nhanh chóng hơn.

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hào Quang**3.5.1. Về phía Nhà nước**

Trong xu thế phát triển hiện nay, sự cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt trong khi năng lực quản lí của doanh nghiệp trong nước vẫn còn yếu kém, điều này đặt ra cho Nhà nước một vấn đề cấp bách cần phải giải quyết. Đó là làm thế nào để thực hiện tốt các cam kết hội nhập, đồng thời khai thác tối đa các điểm mạnh trong nước và thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước phát triển.

Vì mục tiêu đó, Nhà nước luôn tạo điều kiện cũng như tạo môi trường kinh doanh công bằng và lành mạnh cho các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo pháp luật Việt Nam. Ban hành các chính sách phù hợp, kịp thời với sự biến động của nền kinh tế, kèm theo những ưu đãi cho các doanh nghiệp, cá nhân có đóng góp to lớn trong sự phát triển của đất nước. Luôn luôn khuyến khích các doanh nghiệp không ngừng cải cách, đổi mới và phát triển toàn diện hơn.

Công ty đã tận dụng tối đa mọi ưu đãi của Nhà nước nhằm thúc đẩy sự phát triển của công ty. Đặc biệt, những chính sách về xuất nhập khẩu là một lợi thế của các doanh nghiệp khi mà đến 90% lượng hàng sản xuất ra xuất bán cho đối tác nước ngoài.

3.5.2. Về phía doanh nghiệp

Đứng trước những thay đổi của nền kinh tế, doanh nghiệp cần tìm ra các biện pháp sao cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, cập nhật các chuẩn mực, quy định, thông tư và hướng dẫn mới về kế toán, áp dụng các tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán của công ty.

Doanh nghiệp phải thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho kế toán viên, đồng thời cử nhân viên kế toán của công ty mình tham gia các buổi hội thảo chuyên ngành để kịp thời nắm bắt được những thay đổi trong chế độ kế toán và khuyến khích họ tự học tập, nghiên cứu để hoàn thiện và áp dụng các chính sách mới đó vào doanh nghiệp một cách phù hợp để đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty.

KẾT LUẬN

Đề tài đã hệ thống hóa được lí luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Đề tài đã mô tả và phân tích thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành của sản phẩm “Váy tang Hàn Quốc (H0102-GP2)” tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính. Qua quá trình thực tập được tiếp cận thực tế tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty còn tồn tại một số nhược điểm sau:

- + Công ty không hạch toán các khoản thiệt hại về sản phẩm hỏng mà tính vào giá thành làm giá thành sản phẩm không chính xác.
- + Công ty tính giá xuất kho nguyên vật liệu theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì, khiến công việc dồn nhiều vào cuối tháng, chưa đáp ứng được tính kịp thời của thông tin kế toán.

Từ thực trạng trên, đề tài có một số kiến nghị để hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Hào Quang, cụ thể:

- + Kiến nghị công ty áp dụng phần mềm kế toán để hiện đại hóa công tác kế toán, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác kế toán.
- + Kiến nghị công ty chú trọng công tác hạch toán, theo dõi và quản lí các khoản thiệt hại trong sản xuất để không những hạn chế được tổn thất của các khoản thiệt hại gây ra mà còn đảm bảo được độ chính xác trong giá thành sản phẩm.
- + Kiến nghị công ty nên thay đổi phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn thay bằng việc sử dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ như hiện nay.
- + Kiến nghị công ty nên thêm các khoản phụ cấp có tính chất lương vào tiền lương cho công nhân viên nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm và tính gắn bó lâu dài với công ty.

Tài liệu tham khảo

- 1, *Kế toán chi phí*, Khoa kế toán, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Chủ biên: TS. Đoàn Ngọc Quế, PGS.TS. Phạm Văn Dược, TS. Huỳnh Lợi, Nhà xuất bản kinh tế TP. Hồ Chí Minh năm 2013.
- 2, *Kế toán và phân tích chi phí – giá thành trong doanh nghiệp*, Học viện Tài chính, PGS.TS. Nguyễn Đình Đỗ, TS. Trương Thị Thủy, TS. Nguyễn Trọng Cơ, TS. Nghiêm Thị Thà, Nhà xuất bản Tài chính năm 2006.
- 3, *Kế toán chi phí giá thành*, Khoa kinh tế, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, TS. Phan Đức Dũng, Nhà xuất bản thống kê năm 2007.
- 4, *Hướng dẫn thực hành về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp*, PGS. TS. Võ Văn Nhị, NXB Tài chính năm 2009.
- 5, *Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Bộ tài chính, Nhà xuất bản lao động năm 2012.